

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

THIỀU CẨM SƠN

**TUỔI CHỊU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. TRẦN HỮU TRÁNG

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học Viện Khoa học xã hội.

Vậy tôi xin viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật – Học Viện Khoa học xã hội xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

THIỆU CẨM SƠN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ LẬP PHÁP HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TUỔI CHỊU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ	7
1.1.Những vấn đề lý luận chung	7
1.2.Cơ sở quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam	21
1.3. Lịch sử lập pháp Hình sự Việt Nam về tuổi chịu trách nhiệm hình sự	27
CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ TUỔI CHỊU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG.....	41
2.1. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định Bộ luật Hình sự năm 1999	41
2.2. Thực tiễn áp dụng quy định Bộ luật Hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự.....	44
Chương 3: HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TUỔI CHỊU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG.....	53
3.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự.....	53
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự.....	63
KẾT LUẬN	67
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	69

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với sự phát triển của đất nước, công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm đã, đang và luôn luôn được quan tâm chú trọng, đặc biệt khi Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập vào nền kinh tế quốc tế một cách sâu rộng, toàn diện. Theo các kết quả nghiên cứu và thống kê mới nhất của các cơ quan bảo vệ pháp luật cho thấy, tình hình tội phạm ở nước ta trong những năm gần đây đang có sự gia tăng không những về số lượng, số vụ mà còn gia tăng cả về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, cũng như sự xuất hiện nhiều loại tội phạm với phương thức, thủ đoạn mới trong giai đoạn hiện nay. Đáng lo ngại hơn, tình trạng người chưa thành niên phạm tội cũng đang có sự gia tăng về cả số lượng và tính chất, mức độ nguy hiểm. Độ tuổi của người thực hiện hành vi phạm tội ngày trẻ hóa. Hành vi phạm tội của người chưa thành niên ngày càng táo tợn, manh động gây hoang mang, lo lắng cho dư luận xã hội.

Theo kết quả nghiên cứu của Bộ Tư pháp, trung bình mỗi năm cả nước có khoảng 14.000 - 16.000 người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Trong năm 2009, có 14.466 trường hợp, từ năm 2006 đến năm 2010, tình trạng này có xu hướng giảm nhưng không ổn định. Đáng lưu ý, tỷ lệ đối tượng bị xử lý hình sự tăng (năm 2007 là 27,1%, năm 2010 là 36%) và hình phạt phổ biến mà Tòa án áp dụng là tù có thời hạn. Các tội phạm chủ yếu mà người chưa thành niên thực hiện là trộm cắp tài sản, gây rối trật tự công cộng, đánh bạc, cướp giật, cưỡng đoạt tài sản, cố ý gây thương tích, hiếp dâm. Trong đó, có không ít các trường hợp phạm các tội đặc biệt nghiêm trọng như cướp tài sản, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, giết người... Địa bàn có nhiều người chưa thành niên phạm tội là các thành phố lớn, khu đô thị lớn, như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Bắc Ninh... điển hình có những vụ án đặc biệt nghiêm trọng gây xôn xao dư luận mà các phương tiện thông tin đại chúng đã thường xuyên đăng tải.

Những số liệu trên cho thấy diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng và ngày càng nguy hiểm của tội phạm chưa thành niên. Nguyên nhân của những hiện tượng trên bắt nguồn từ chính mặt trái của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Ngoài tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật, văn hóa tinh hoa nhân loại, thì đồng thời cũng xuất hiện những vấn đề tiêu cực, như lối sống gấp, chạy theo đồng tiền, tâm lý hưởng thụ, lười lao động, thói quen rượu chè, nghiện hút.... Cùng với đó là hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Thực tiễn áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 cho thấy các quy định của pháp luật hình sự về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự có phần còn sơ sài: đồng nhất mọi cá thể ở các điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau trong cùng một độ tuổi, chưa được quy định trực tiếp với tư cách là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm hay định nghĩa lập pháp về tuổi và độ tuổi, căn cứ xác định độ tuổi của người phạm tội,... tất cả đều dẫn đến việc hiểu và áp dụng chưa thống nhất, còn nhiều bất cập, tồn tại nhiều vướng mắc. Ngoài ra, vấn đề loại trừ trách nhiệm hình sự đối với người cao tuổi chưa được đề cập trong Bộ luật Hình sự hiện hành. Khía cạnh này mới chỉ được quy định như một tình tiết miễn, giảm trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt. Đây cũng là một trong những vấn đề về tuổi chịu trách nhiệm hình sự đặt ra cho các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu cũng như các nhà lập pháp cần phải nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật.

Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn trên, tác giả đã quyết định lựa chọn đề tài: ***“Tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho tới thời điểm này, vấn đề tuổi chịu trách nhiệm hình sự mặc dù là một trong những chế định quan trọng trong Bộ luật Hình sự, nhưng vẫn còn rất ít các công trình nghiên cứu. Vấn đề này chủ yếu mới chỉ được đề cập đến như một phần nhỏ trong các bài viết, khóa luận, luận văn về tội phạm và cấu thành

tội phạm, chủ thể của tội phạm hay nhân thân người phạm tội, hoặc trong các công trình nghiên cứu về người chưa thành niên phạm tội. Các nghiên cứu khoa học khác cũng rất ít đề cập đến việc nghiên cứu về tuổi chịu trách nhiệm hình sự với tư cách một công trình riêng biệt.

Liên quan đến đề tài, có thể kể đến một số công trình nghiên cứu sau đây:

- Nhóm công trình luận văn, luận án bao gồm: Luận văn thạc sĩ luật học *“Những vấn đề lý luận và thực tiễn về tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam”* của tác giả Trần Thị Hoàng Lan, Khoa Luật – Đại học Quốc Gia, 2012, Luận văn thạc sĩ luật học *“Vấn đề tuổi chịu trách nhiệm hình sự - Lý luận và thực tiễn”* của tác giả Nguyễn Đức Hoàng, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2015.

- Nhóm công trình sách, bài viết, tài liệu tham khảo: Bài viết *“Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam”* của tác giả Nguyễn Văn Niên đăng tại tạp chí Nhà nước và Pháp luật.- Số 1/2015, tr. 35 – 41, Bài viết *“Một số quy định sửa đổi, bổ sung liên quan đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 2015”* của tác giả Nguyễn Tuyết Mai đăng tại Tạp chí Tòa án nhân dân – Tòa án nhân dân tối cao.- Số 15/2016, tr. 27 – 29, Bài viết *“Một số ý kiến về tuổi chịu trách nhiệm hình sự và biện pháp thay thế xử lý hình sự áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định trong dự thảo Bộ luật Hình sự sửa đổi Tòa án nhân dân”* của tác giả Dương Tuyết Miên đăng tại tạp chí Tòa án nhân dân – Tòa án nhân dân tối cao.- Số 18/2015, tr. 1 - 6, 18, bài viết *“Tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam”* của tác giả Phạm Văn Báu đăng tại tạp chí Luật học – Trường Đại học Luật Hà Nội.- Số 10/2014, tr. 3 – 11; Bài viết *“Nên quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự sớm hơn”* của tác giả Vũ Hải Việt đăng tại tạp chí Luật sư Việt Nam, số 11/2015, tr. 10-14; Sách chuyên khảo sau đại học: *Tội phạm và trách nhiệm hình sự* của TS. Trình Tiến Việt nxb Công an nhân dân, 2013; *Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật*

hình sự (Phần chung) của GS.TSKH. Lê Văn Cẩm, nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (sửa đổi và bổ sung*” của GS.TS. Võ Khánh Vinh nxb Công an nhân dân, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 1999 – Phần chung*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2000 của ThS. Đinh Văn Quế...

Các công trình nghiên cứu kể trên đã đề cập và phân tích ở các cấp độ khác nhau về những vấn đề lý luận, hệ thống quá trình lịch sử cũng như quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Tổng hợp số liệu thống kê thực tiễn để từ đó đưa ra những bất cập cùng những giải pháp kiến nghị đề xuất hoàn thiện. Một số công trình cũng đưa ra các quan điểm về vấn đề nên quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự sớm hơn. Luận văn sẽ tiếp thu có chọn lọc các kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu khoa học nói trên làm nền tảng lý luận cho đề tài.

Tuy nhiên từ thời điểm Bộ luật Hình sự 2015 được thông qua nhưng chưa chính thức có hiệu lực, phần lớn các nghiên cứu kể trên chỉ dưới dạng bài viết, chưa có công trình thể hiện sự so sánh với quy định hiện hành, tìm ra những điểm mới cũng như những bất cập trong Bộ luật hình sự 2015 hay những quan điểm về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi bổ sung Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, trên cơ sở các nghiên cứu này, tác giả tiếp tục phân tích sâu, đưa ra những bình luận, nhận định khoa học và kiến nghị, giải pháp riêng của mình để tiếp tục hoàn thiện chế định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài này là nhằm làm rõ hơn những vấn đề lý luận về tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam, hệ thống lại quá trình xây dựng pháp luật hình sự kết hợp nghiên cứu thực tiễn khi

áp dụng các quy định hiện hành để từ đó đưa ra được định hướng sửa đổi, hoàn thiện các quy định cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Phân tích làm rõ hơn một số vấn đề lý luận và khái quát lịch sử lập pháp về tuổi chịu trách nhiệm hình sự.
- Phân tích làm rõ quy định của Bộ luật Hình sự 1999 về tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong sự so sánh với Bộ luật Hình sự 2015.
- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đưa ra được những kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu theo không gian chỉ xoay quanh vấn đề tuổi chịu trách nhiệm hình sự dưới góc độ pháp lý hình sự, theo thời gian từ xã hội Việt Nam thời kì phong kiến đến hiện nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề tội phạm và hình phạt, về đấu tranh và phòng ngừa tội phạm, lý luận về luật hình sự và tổ tụng hình sự.

Luận văn sử dụng hệ thống các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: sử dụng kết hợp các phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh, nghiên cứu tài liệu,

nghiên cứu bản án, phương pháp suy luận logic, phương pháp quy nạp diễn dịch và phương pháp phỏng vấn các chuyên gia để có được những quan điểm của họ về vấn đề tác giả quan tâm...tất cả các phương đều được sử dụng kết hợp nhằm làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận

Đây là công trình nghiên cứu có hệ thống và toàn diện về tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam. Luận văn cung cấp và đưa ra những vấn đề lý luận, tiến trình lập pháp, thực tiễn áp dụng để từ đó đóng góp những quan điểm hoàn thiện nhận thức cũng như quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Về mặt thực tiễn

Trước hết, luận văn sẽ là tài liệu tham khảo phục vụ trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập bộ môn luật Hình sự Việt Nam tại các cơ sở giáo dục đào tạo ngành Luật. Cùng với đó luận văn sẽ góp phần tích cực trong việc nâng cao nhận thức và hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nói chung cũng như những quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục bảng biểu, tài liệu tham khảo, đề tài được cấu trúc gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tuổi chịu trách nhiệm hình sự

Chương 2: Quy định bộ luật hình sự năm 1999 về tuổi chịu trách nhiệm hình sự và thực tiễn áp dụng

Chương 3: Hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ LẬP PHÁP HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TUỔI CHỊU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

1.1. Những vấn đề lý luận chung

1.1.1. Khái niệm tuổi chịu trách nhiệm hình sự

Trách nhiệm hình sự là một trong những vấn đề lý luận phức tạp, là một thuật ngữ pháp lý được sử dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Từ trước đến nay vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về nội hàm của khái niệm trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, dưới góc độ khái quát và chung nhất, có thể định nghĩa: *“Trách nhiệm hình sự là một dạng của trách nhiệm pháp lý và là hậu quả pháp lý bất lợi của việc thực hiện tội phạm, được thể hiện bằng việc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do Luật hình sự quy định đối với người phạm tội”*. Là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm, trách nhiệm hình sự chỉ phát sinh (xuất hiện) khi có sự việc phạm tội. Cho nên, trách nhiệm hình sự là dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất so với bất kỳ dạng trách nhiệm pháp lý nào khác. Nó chỉ được thực hiện trong phạm vi của quan hệ pháp luật hình sự giữa hai bên với tính chất là hai chủ thể có các quyền và nghĩa vụ nhất định – một bên là Nhà nước còn bên kia là người phạm tội.

Con người không phải sinh ra đã có năng lực trách nhiệm hình sự mà phải thông qua quá trình hoạt động – lao động, giáo dục – học tập khả năng đó sẽ dần dần hình thành, hay có thể hiểu năng lực trách nhiệm hình sự là năng lực của tự ý thức được hình thành trong quá trình phát triển của cá thể về mặt tự nhiên và xã hội. *“Chỉ trong tự ý thức, con người (mới) tách mình và độc lập với thế giới xung quanh, xác định vị trí của mình trong những quan hệ tự nhiên và xã hội. Từ đó hình thành nên những cá nhân, những chủ thể có ý thức đầy đủ về hoạt động của mình chịu trách nhiệm về hành vi của mình”*[38, tr.75]. Như vậy khi đã đạt độ tuổi nhất định, nhận thức và hiểu biết của con người toàn diện hơn,

sâu sắc hơn, sẽ nhận biết được hành vi của mình là đúng hay sai, có vi phạm pháp luật hay không..., để điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với các quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, pháp luật hình sự nước ta chỉ buộc người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội quy định trong Bộ luật Hình sự chịu trách nhiệm hình sự khi đã đạt độ tuổi nhất định.

Trên thực tế, pháp luật hình sự của các nước trên thế giới và của Việt Nam đều dựa trên cơ sở kết quả các công trình nghiên cứu, khảo sát về tâm lý cũng như căn cứ vào chính sách hình sự của nước mình để quy định vấn đề tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự mặc dù không được ghi nhận chính thức dưới góc độ lập pháp là một đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản của tội phạm trong Điều 8 Bộ luật Hình sự hiện hành của nước ta, tuy nhiên, dấu hiệu này lại có ý nghĩa rất quan trọng trong việc làm sáng tỏ trách nhiệm hình sự của người phạm tội, cũng như đây là dấu hiệu không thể tách rời trong yếu tố chủ thể của tội phạm bên cạnh dấu hiệu “năng lực trách nhiệm hình sự”. Hiện nay, chưa có định nghĩa chính thức nào về nội dung này. Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 1999 chỉ dừng lại ở việc quy định độ tuổi của một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội phải chịu trách nhiệm hình sự và các trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đã có nhiều nhà khoa học nghiên cứu và có những quan điểm riêng về “tuổi chịu trách nhiệm hình sự”. Theo GS.TS. Lê Cẩm: “*Đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là đủ tuổi do pháp luật hình sự quy định tại thời điểm thực hiện tội phạm để có thể có khả năng nhận thức đầy đủ tính chất thực tế và tính chất pháp lý của hành vi do mình thực hiện cũng như có khả năng điều khiển được đầy đủ hành vi ấy*”[6, tr.128]. Có thể thấy người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự được hiểu là người mà tại thời điểm phạm tội đã đạt đến độ tuổi do luật hình sự quy định để có khả năng nhận thức được đầy đủ tính chất thực tế - tính nguy hiểm cho xã hội và tính chất pháp lý – trái pháp luật hình sự của hành vi do mình thực hiện, cũng như điều khiển được đầy đủ hành vi của mình. Bên cạnh

việc xác định tuổi như ngưỡng chịu trách nhiệm hình sự, tuổi cũng là yếu tố để xác định hoặc loại bỏ mức trách nhiệm hình sự mà họ phải gánh chịu khi phạm tội. Theo logic, nếu đến một độ tuổi nhất định con người mới có khả năng nhận thức về điều khiển hành vi của mình thì theo thời gian đến độ tuổi nhất định sự già yếu và bệnh tật sẽ làm giảm đi khả năng nhận thức và điều khiển hành vi đó. Do đó, mặc dù chưa được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành nhưng để xây dựng khái niệm có tính dự báo và khái quát nhất không thể bỏ qua căn cứ độ tuổi để xác định loại hoặc mức chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy có thể định nghĩa một cách khái quát nhất: *Tuổi chịu trách nhiệm hình sự là độ tuổi mà pháp luật hình sự quy định người đạt độ tuổi đó phải chịu trách nhiệm hậu quả pháp lý bất lợi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự.*

1.1.2. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định Bộ luật Hình sự một số nước trên thế giới

Việc quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự đều phải xuất phát từ thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như căn cứ về mặt tâm sinh lý phát triển của con người. Vì vậy, luật hình sự các nước đều quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhưng không phải nước nào cũng giống nhau, tùy thuộc vào đặc điểm riêng của từng nước. Mỗi quốc gia có truyền thống văn hóa lịch sử quan niệm về đạo đức, phong tục tập quán khác nhau, mặt khác còn do sự phát triển không đồng đều về kinh tế, chính trị, sự khác biệt về đặc điểm sinh học của từng chủng tộc do đó quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự ở mỗi nước có sự khác biệt. Bảng so sánh độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của một số nước trên thế giới dưới đây đã phản ánh rõ nội dung đó [40, tr243]:

Bảng 1.2: So sánh độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của một số nước

Quốc gia	Tuổi chịu TNHS	Quốc gia	Tuổi chịu TNHS	Quốc gia	Tuổi chịu TNHS
Hoa Kỳ	6+/N	Honđuat	12	Nga	14

Mêhico	6	Ailen	12	Nhật Bản	14
Bácbadot	7	Li băng	12	Xlovenia	14
Síp	7	Hà Lan	12	Tây Ban Nha	14
Ấn Độ	7	Xan Mario	12	Ucraina	14
Giamaica	7	Thổ Nhĩ Kỳ	12	Damnia	14
Kênya	7	Angieri	13	Cộng hòa Séc	15
Cooet	7	Pháp	13	Đan Mạch	15
Xingapo	7	Hi Lạp	13	Ai Cập	15
Thụy Sĩ	7	Iixraen	13	Phần Lan	15
Thái Lan	7	Ba Lan	13	Aixolen	15
Trinidadst	7	Xenegan	13	Nauy	15
Đảo Xâyman	8	Ácmeenia	14	Xlovakia	15
Libi	8	Áo	14	Tandania	15
Xcotlem	8	Adecsbaidan	14	Tôgo	15
Irac	9	Bêlarut	14	Andôa	16
Manta	9	Bôxia	14	Áchentina	16
Philipin	9	Bulgari	14	Bi	16
Anh - xứ Wales	10	Trung Quốc	14	Chile	16
Ôxtraylia	10	Đức	14	Cuba	16
Malaixia	10	Hungary	14	Extonia	16
Namibia	10	Italia	14	Hồng Kong	16
Niu Dilan	10	Kadacxtan	14	Latvia	16
Bắc Ailen	10	Hàn Quốc	14	Mônđôva	16
Nam Phi	10	Lihuanua	14	Bồ Đào Nha	16
Canada	12	Maxedonia	14	Rumani	16
Coxta Rica	12	Moritiut	14	Côlombia	18
Ecuado	12	Mông Cổ	14	Luychxambua	18

Tham chiếu vào bảng trên có thể thấy các nước quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự ở độ tuổi 14 chiếm tỷ lệ cao như: Nhật Bản, Nga, Trung Quốc, Áo...Thực tế cho thấy quy định tuổi bắt đầu chịu trách nhiệm hình sự ở Việt

Nam là phù hợp với xu thế chung của một số nước trên thế giới. Tuy có sự tương đồng khi quy định độ tuổi tối thiểu phải chịu trách nhiệm hình sự là 14 tuổi nhưng nội dung quy định này giữa các nước có những điểm khác biệt.

Trong số đó, phải kể đến Bộ luật Hình sự Liên Bang Nga năm 1996 sửa đổi năm 2000 có điểm khác biệt khi quy định những loại tội cụ thể mà những người 14 tuổi phải chịu.

“Điều 20. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự

1. Người từ đủ 16 tuổi trước thời điểm thực hiện tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự

2. Người từ đủ 14 tuổi trước thời điểm thực hiện tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự do thực hiện các tội sau: tội giết người (Điều 105), tội cố ý gây thương tích rất nặng cho sức khỏe của người khác (Điều 111), tội cố ý gây thương tích nặng cho sức khỏe của người khác (Điều 112), tội bắt cóc (Điều 126), tội hiếp dâm (Điều 131), tội cưỡng dâm (Điều 132), tội trộm cắp (Điều 158), tội cướp (Điều 161), tội cướp giật (Điều 162), tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 163), chiếm giữ trái phép ô tô hoặc các phương tiện giao thông khác không nằm mục đích chiếm đoạt (Điều 166), tội cố ý hủy hoại hoặc làm hư hỏng tài sản trong các tình tiết tăng nặng (Khoản 2 Điều 167), tội khủng bố (Điều 205), tội bắt cóc con tin (Điều 206), tội thông tin sai sự thật về hành động khủng bố (Điều 207), tội gây rối trong các tình tiết tăng nặng (Khoản 2 Điều 213), tội phá hủy tài sản công cộng (Điều 214), tội chiếm đoạt hoặc cưỡng đoạt vũ khí, đạn dược, thiết bị và vật liệu nổ (Điều 226), tội chiếm đoạt hoặc cưỡng đoạt các chất ma túy và hương thần (Điều 229), tội làm hư hại các phương tiện giao thông và đường dây thông tin liên lạc (Điều 267)

3. Nếu người chưa thành niên đạt độ tuổi được quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này nhưng do thần kinh chậm phát triển nhưng không liên quan đến bệnh tâm thần vào đúng thời điểm thực hiện tội phạm không thể nhận thức đầy đủ tính chất thực tế và mức độ nguy hiểm do hành động (Không hành động)

của mình gây ra hoặc không thể điều khiển hành vi của mình thì không phải chịu trách nhiệm hình sự” [2, tr36]

Hay Bộ luật Hình sự Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1997, sửa đổi năm 2005 quy định cũng khá đơn giản và cách tiếp cận giống với Bộ luật Hình sự Liên bang Nga, đặc biệt là quy định phạm vi loại tội sẽ áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi những chưa đủ 16 tuổi (tội giết người hoặc cố ý gây thương tích dẫn đến thương tích nặng hoặc chết người, hiếp dâm, cướp giật, mua bán chất ma túy, đốt nhà, đặt bom, đầu độc) tại Điều 17 như sau:

“Người từ đủ 16 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự.

Người đủ 14 tuổi những chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người hoặc cố ý gây thương tích dẫn đến thương tích nặng hoặc chết người, hiếp dâm, cướp giật, mua bán chất ma túy, đốt nhà, đặt bom, đầu độc.

Người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi được hưởng hình phạt giảm nhẹ hoặc giảm khung hình phạt.

Trường hợp không xử phạt hình sự đối với người chưa đủ 16 tuổi, thì phải yêu cầu chủ gia đình hoặc người giám hộ quản giáo. Trong trường hợp cần thiết có thể bị đưa vào trường giáo dưỡng”[3, tr43]

Như vậy có thể thấy theo quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành ở nước ta và Trung Quốc có nhiều nét tương đồng hơn khi cùng xác định độ tuổi bắt đầu có năng lực trách nhiệm hình sự là 14 tuổi, trường hợp năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ từ 16 tuổi trở lên. Tuy nhiên nếu pháp luật Việt Nam quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội rất nghiêm trọng do cố ý, tội đặc biệt nghiêm trọng thì pháp luật Trung Quốc lại liệt kê các tội phạm cụ thể mà người phạm tội từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cách liệt kê này được Bộ luật Hình sự của nước ta năm 2015 đang áp dụng và có nhiều điểm tương đồng với Bộ luật Hình sự Liên bang Nga. Tuy nhiên phạm vi và các tội phạm cụ thể là khác nhau.

Qua tìm hiểu quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự được quy định trong pháp luật hình sự nước ta và một số nước trên thế giới, có thể thấy mặc dù cách tiếp cận khác nhau về giới hạn độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, song đều giống nhau ở chỗ chỉ rõ giới hạn thấp nhất mà một người khi thực hiện tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự. Các nước đều coi đây là cơ sở pháp lý quan trọng để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội. Tuy nhiên sự khác biệt về chính trị, kinh tế - xã hội, về đặc điểm tâm lý, tự nhiên... mà các nước quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là không giống nhau. Nhìn vào tổng quan có thể thấy nhóm nước quy định độ tuổi bắt đầu chịu trách nhiệm hình sự là từ đủ 14 tuổi trở lên chiếm tỉ lệ lớn và Việt Nam cũng là một trong số đó. Việt Nam quy định tuổi bắt đầu chịu trách nhiệm hình sự là từ đủ 14 tuổi trở lên là khoa học và phù hợp với xu hướng chung của nhiều nước trên thế giới.

1.1.3. Những quan điểm về tuổi chịu trách nhiệm hình sự

Quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự không chỉ có ý nghĩa trước yêu cầu phòng chống tội phạm, mà còn thể hiện bản chất, chính sách hình sự của một quốc gia. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, vấn đề người chưa thành niên phạm tội đã gióng lên những hồi chuông báo động. Điều này đặt ra một vấn đề pháp lý đó là việc cân nhắc quy định lại độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Xung quanh vấn đề này đang có ba luồng quan điểm chủ đạo:

* Quan điểm thứ nhất cho rằng nên giảm độ tuổi tối thiểu phải chịu trách nhiệm hình sự xuống là 13 tuổi tròn và độ tuổi người thành niên là thấp hơn 18 tuổi tròn như quy định hiện hành. Theo GS.TS Hồ Trọng Ngũ – Phó chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng – An ninh cho rằng [10, tr60]: mỗi năm trung bình có đến 16.000 – 18.000 trẻ em chưa thành niên phạm tội, chiếm 15-18% số tội phạm. Hơn 65% vụ phạm pháp của người chưa thành niên có sử dụng vũ khí nóng hoặc hung khí, nhiều vụ rất dã man và mất hết tính người. Nhưng việc xử lý chỉ dừng lại ở mức độ như các tội ít nghiêm trọng. Hay khi được hỏi quan điểm, theo ThS. Nguyễn Văn Tùng – phó trưởng phòng Viện khoa học xét xử Tòa án

nhân dân tối cao cho rằng: “Cần thiết phải giảm độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong Luật sửa đổi bổ sung Bộ luật Hình sự 2015, bởi lẽ cùng với sự phát triển kinh tế xã hội và sự phát triển tâm sinh lý trưởng thành của thanh thiếu niên ở nước ta hiện nay là rất sớm, việc quy định như hiện tại sẽ không đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm. Mặt khác, lợi dụng sự nhân đạo của Nhà nước, các tổ chức, băng nhóm tội phạm sẽ “nuôi dưỡng” những tội phạm chuyên nghiệp với độ tuổi chưa thành niên để thực hiện hành vi phạm tội, vì chúng biết chắc mức án cao nhất mà chúng phải chịu chỉ là 18 năm tù”, cùng với quan điểm cho rằng nên hạ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng bà Trương Thị Mai – Chủ nhiệm ủy ban các vấn đề xã hội cũng đề nghị cần có nghiên cứu kỹ lưỡng và đánh giá tác động cụ thể [49].

Có thể thấy với tinh thần nhân đạo, nhân văn sâu sắc, Bộ luật hình sự 1999 đã dành hẳn một chương riêng quy định về việc xử lý người chưa thành niên phạm tội. Tuy nhiên, trước thực trạng người chưa thành niên phạm tội gia tăng và diễn biến phức tạp như hiện nay, nhiều ý kiến cho rằng cần phải hạ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và tăng mức hình phạt để trừng trị tội phạm, nâng cao tác dụng giáo dục phòng ngừa. Nhiều em khi được hỏi về động cơ và nhận thức về hành vi của mình đã trả lời: vì biết pháp luật không xử lý hình sự đối với người dưới 14 tuổi nên đã phạm tội. Như vậy các em có thể tự nhận thức hoặc vô cùng dễ dàng bị lôi kéo lợi dụng để thực hiện tội phạm hay thực hiện hành vi vào các mục đích phạm tội của người khác. Phía sau các bản án đã tuyên dành cho các bị cáo, dư luận cho rằng hình phạt dành cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là chưa tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội, chưa đủ sức trừng trị tội phạm cũng như giáo dục, phòng ngừa chung, gây hoang mang và mất niềm tin vào pháp luật.

Ví dụ: vụ án trộm cắp tài sản tại tỉnh Yên Bái. Theo bản án số 14/2016/HSST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã quyết định bị cáo Bế Thanh Sơn sinh ngày 17 tháng 10 năm 1998, phạm tội vào ngày

3/2/2016 tội trộm cắp tài sản với hình phạt 06 tháng tù, tuy nhiên trước đó ngày 28/10/2015 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã ra bản án số 16/2015/HSST tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng về tội “trộm cắp tài sản” nên tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 03 tháng tù. Điều đáng nói ở đây, bị cáo trong thời gian ngắn đã tái phạm với cùng một tội danh đã cho thấy khi phạm tội lần đầu với bản án và hình phạt dành cho bị cáo đã không có tác dụng răn đe, giáo dục, mặt khác có thể khiến cho bị cáo ý thức lợi dụng được sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội. Trong một vụ án khác, tại Nam Định: Theo bản án số 52/2016/HSST ngày 20/9/2016, Bị cáo Phạm Thị Chi sinh ngày 25/8/1998 bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, Nam Định tuyên án phạm tội Trộm cắp tài sản với hình phạt 15 tháng tù giam, tuy nhiên trước đó bị cáo cũng bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, Hà Nam xử phạt 09 tháng tù tội trộm cắp tài sản nên tổng hợp hình phạt là 24 tháng tù giam.

Những vụ án nêu trên chỉ là những vụ án xảy ra trong thời gian gần đây, chỉ trong thời gian ngắn các bị cáo đều là những người chưa thành niên, đều nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình nhưng vẫn tái phạm với cùng một tội danh gây hậu quả lớn cho xã hội nhưng hình phạt còn chưa đủ nghiêm khắc khiến cho họ còn bất chấp vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Từ những thực trạng đó, có nhiều quan điểm cho rằng quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Điều 12 Bộ luật Hình sự 1999 là không còn phù hợp và cần thiết phải giảm mức tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự và mức tuổi người thành niên là thấp hơn 18 tuổi tròn. Hơn nữa do điều kiện kinh tế xã hội ngày càng phát triển, trẻ em có điều kiện tiếp xúc thông tin đại chúng như internet, sách báo... nên nhận thức về xã hội và pháp luật ngày càng cao nên việc hiểu biết cũng như nguy cơ lợi dụng những lỗ hổng hay chính sách nhân đạo của nhà nước để thực hiện hành vi phạm tội là ngày một lớn. Bên cạnh đó nếu quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự từ 14 tuổi tròn xuống còn 13 tuổi tròn sẽ thống nhất với quy định tuổi của người bị

hại trong một số trường hợp cụ thể. Ví dụ như: Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112), tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114), tội giao cấu với trẻ em (Điều 115)... các tội này đều quy định nạn nhân là “trẻ em từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi”, cho nên có thể quy định người từ đủ 13 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Theo quan điểm của cá nhân, ý kiến cho rằng nên hạ mức độ tuổi tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự từ 14 tuổi tròn xuống 13 tuổi tròn và giảm độ tuổi người thành niên là có căn cứ, tuy nhiên chưa thật phù hợp và khoa học. Bởi lẽ xu hướng chung của thế giới hiện nay là tăng cường bảo vệ nhân quyền, trong đó, trẻ em ngày được quan tâm và bảo vệ, nếu giảm độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự cũng như độ tuổi người thành niên sẽ không phù hợp với xu thế đó. Thay vào đó, cần phải xây dựng đồng bộ cơ chế đảm bảo áp dụng các biện pháp thay thế, chuyển hướng xử lý người chưa thành niên phạm tội để hình phạt được thể hiện rõ nhất tính chất cảm hóa giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Tác giả cũng rất đồng tình với quan điểm của đại biểu Quốc hội Trương Hòa Bình (đoàn Long An), Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao nhấn mạnh [8, tr59]: trẻ em phạm pháp xuất phát từ nguyên nhân xã hội, nguyên nhân tổng hòa sự giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội, quản lý nhà nước đối với xã hội nói chung, trong đó có các thiết chế về phòng ngừa chung và những chính sách khác đối với trẻ em. Đại biểu khẳng định, Việt Nam đã tham gia vào Công ước quốc tế bảo vệ quyền trẻ em thì giải pháp để ngăn ngừa, phòng chống tội phạm đối với trẻ vị thành niên không phải bằng tăng hình phạt mà chính là sự quản lý giáo dục và các chính sách dành cho trẻ em. Kinh nghiệm của nhiều nước khi có những vụ án gây bức xúc dư luận, báo chí đăng tải nhiều, dư luận nhiều thì tăng hình phạt nhưng sau đó trẻ phạm pháp vẫn không giảm.

Đây không phải lần đầu tiên có ý kiến đề nghị giảm độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự hay phải trừng trị thật nghiêm người chưa thành niên phạm tội.

Không thể phủ nhận thực tế là người chưa thành niên phạm tội ngày một gia tăng nhưng liệu rằng việc hạ độ tuổi và tăng mức xử phạt đối với người chưa thành niên phạm tội có phải là giải pháp tốt làm giảm tình hình tội phạm chưa thành niên không. Việc giảm độ tuổi duy nhất chỉ đáp ứng được yêu cầu trừng trị mà theo tác giả sẽ không có nhiều ý nghĩa trong giáo dục, cải tạo người phạm tội, nhất là không tạo cho họ cơ hội để sửa chữa lỗi lầm. Mục đích của hình phạt trong Bộ luật hình sự nước ta hiện nay mang tính nhân văn và khoan hồng, khác với hình phạt của chế độ phong kiến, hình phạt chỉ mang nặng tính trừng trị và đàn áp. Do đó, tác giả đồng tình với quan điểm và cho rằng muốn đấu tranh phòng, chống tội phạm chưa thành niên hiệu quả, thì phải tìm ra những giải pháp hữu hiệu để ngăn ngừa tội phạm thay vì giảm mức tuổi chịu trách nhiệm hình sự và tăng hình phạt. Điều này cho thấy, việc tăng mức hình phạt hay giảm mức độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên không phải là giải pháp hiệu quả, mà đôi khi còn phản tác dụng.

* Quan điểm thứ hai cho rằng nên nâng độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự ở nước ta hiện nay và có thể quy định độ tuổi bắt đầu phải chịu trách nhiệm hình sự từ độ tuổi tròn 15 tuổi hoặc tròn 16 tuổi, và tuổi chịu trách nhiệm hình sự đầy đủ phải bằng với tuổi người đã thành niên là từ đủ 18 tuổi. Nhiều chuyên gia lại có quan điểm cho rằng, thanh thiếu niên hư, có những hành động bạo lực hoặc phạm tội, gây bức xúc dư luận là có nguyên nhân sâu xa trong tất cả các vấn đề xã hội đặc biệt là trong vấn đề chính sách kinh tế xã hội, chính sách việc làm, giáo dục... đổ hết lỗi cho người chưa thành niên là chúng ta muốn rũ bỏ trách nhiệm, mặt khác người chưa thành niên là đối tượng được quan tâm chú trọng đặc biệt, do đó phải có chính sách hình sự bảo vệ tạo điều kiện cho người chưa thành niên trở thành công dân có ích cho xã hội. Khi được hỏi quan điểm, TS. Nguyễn Văn Luật – Nguyên Vụ trưởng Vụ pháp luật, Văn phòng Chính Phủ cho rằng: *“Việt Nam đã tham gia Công ước quốc tế về quyền trẻ em, vì vậy nên tuân thủ theo qui định của Công ước về tuổi của trẻ em. Đơn giản vì, nếu điều ước*

quốc tế mà Việt Nam là thành viên có qui định khác so với pháp luật của nước ta thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó”.

Hiện nay, Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em mà Việt Nam đã là thành viên, là văn bản pháp lý quốc tế quy định các quyền cơ bản của trẻ em nói chung và người chưa thành niên phạm tội nói riêng. Điều 1 Công ước xác định rõ: *“Trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn”.* Theo đó, việc quy định từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm là quá hà khắc, vì trẻ em là người dưới 18 tuổi thì cần thiết phải quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự đầy đủ (về mọi tội phạm) là từ đủ 18 tuổi trở lên. Ý kiến trên xuất phát từ xu hướng chung của thế giới: tính dân chủ, nhân đạo ngày càng được mở rộng, nhiều nước đang có xu hướng xóa bỏ hình phạt chung thân và tử hình. Do vậy, pháp luật chỉ nên truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội trong trường hợp cần thiết. Hơn nữa khi tham khảo pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới đều quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự từ 15 tuổi trở lên như: Na Uy, Aixolen, Bồ Đào Nha, Rumani, Bỉ, Chile, Côlômbia... thậm chí có quốc gia còn quy định độ tuổi bắt đầu phải chịu trách nhiệm hình sự là từ đủ 18 tuổi, như Columbia hay Luxembourg (Bảng 2), do vậy nước ta cần nâng mức độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự cao hơn quy định hiện nay.

Theo quan điểm cá nhân, việc nâng cao độ tuổi tối thiểu phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm hình sự đầy đủ tại thời điểm này là chưa phù hợp và khoa học. Bởi lẽ, thực tiễn đã cho thấy diễn biến phức tạp tình hình tội phạm là người chưa thành niên hiện nay, nhất là xu hướng trẻ hóa độ tuổi của người chưa thành niên phạm tội. Theo đó, nếu nâng mức tuổi chịu trách nhiệm hình sự sẽ không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh và phòng chống tội phạm chưa thành niên. Mặc khác, mặc dù Việt Nam là thành viên của Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em, nhưng Công ước và các văn bản chủ yếu mang tính khuyến nghị, định hướng đối với các quốc gia thành viên, góp phần thực hiện

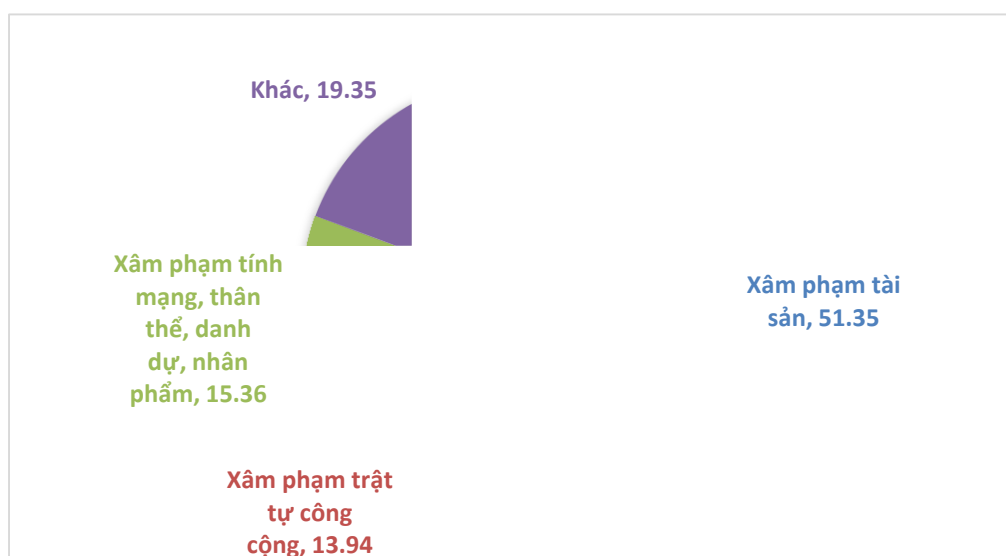
Công ước quốc tế về quyền trẻ em chứ không có tính chất bắt buộc. Pháp luật quốc tế cho phép các quốc gia tùy điều kiện kinh tế - xã hội, văn hoá, truyền thống của mình có thể quy định độ tuổi khác. Do đó nếu Việt Nam quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự chưa trùng với quy định của Công ước như hiện nay cũng không vi phạm pháp luật quốc tế cũng như không làm giảm đi tính chất nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam mà điều quan trọng là cần quy định và áp dụng cho phù hợp để vừa mang tính răn đe, vừa mang tính giáo dục, cải tạo họ trở thành công dân có ích cho xã hội.

* Quan điểm thứ ba: nên giữ nguyên độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự như hiện nay, nhưng nên quy định rõ giới hạn phạm vi các tội danh theo từng độ tuổi mà khi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích hai quan điểm ở trên, theo ý kiến cá nhân đồng tình với quan điểm tại giai đoạn hiện nay, nên giữ nguyên độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Bởi lẽ, việc tăng hay giảm độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự phải có sự điều tra, khảo sát tỉ mỉ tình hình vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên trên phạm vi cả nước, đặc biệt là trong các độ tuổi đang cân nhắc quy định. Bởi quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự và một vấn đề lớn, liên quan đến nhiều chính sách của Nhà nước như chính sách giáo dục và bảo vệ trẻ em, chính sách hình sự... Việc quy định độ tuổi như Bộ luật Hình sự hiện nay ở nước ta đều dựa trên đầy đủ căn cứ, cơ sở xã hội, thực tiễn cũng như tâm sinh lý phát triển của con người Việt Nam. Tòa án nhân dân tối cao đã từng nhấn mạnh việc xử lý hình sự người chưa thành niên phạm tội không đơn thuần chỉ nhìn nhận dưới góc độ “năng lực trách nhiệm hình sự” mà chủ yếu phải nhìn cả dưới góc độ “yêu cầu của xã hội đối với giáo dục thiếu niên nữa”. Nếu chỉ nhìn một số vụ án nghiêm trọng, do người trong độ tuổi 12 đến dưới 14 tuổi thực hiện mà giảm độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là chưa cần thiết, vội vàng. Ngược lại không vì pháp luật hình sự một số quốc gia quy định trách nhiệm hình

sự muộn hơn so với quy định hiện hành của nước ta mà phải quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự cho giống quốc gia đó...

Mặt khác, từ thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, khả năng nhận thức của người chưa thành niên có thể thấy cơ cấu nhóm các quan hệ xã hội chủ yếu mà người chưa thành niên xâm phạm là: Nhóm các tội về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, nhóm tội về quyền sở hữu, tội phạm về ma túy, tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Phân tích các số liệu về cơ cấu tội phạm là người chưa thành niên trong năm 2011 do Bộ công an cung cấp cho thấy rõ điều đó [10, tr53]:



Theo đó, có thể thấy rằng hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên tập trung nhiều nhất vào các nhóm tội phạm sở hữu; xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Trong đó tội danh trộm cắp tài sản chiếm 38%, cố ý gây thương tích chiếm 11%, đặc biệt là giết người chiếm 1,4% trong tổng số tội phạm do người chưa thành niên thực hiện. Ở các quan hệ xã hội khác được luật hình sự bảo vệ, người chưa thành niên phạm tội chiếm tỉ lệ vô cùng ít, do vậy tác giả cho rằng cần thiết nên quy định rõ phạm vi các tội mà người chưa thành niên phải chịu trách nhiệm hình sự, hơn nữa sẽ đáp ứng được yêu cầu minh bạch cũng như công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật.

Như vậy, quan điểm tác giả cho rằng cần giữ nguyên quy định về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự như Điều 12 Bộ luật Hình sự 1999 nhưng cần sửa đổi quy định rõ phạm vi các tội mà người chưa thành niên phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự.

1.2. Cơ sở quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam

1.2.1. Cơ sở lý luận

- Cơ sở xã hội

Xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển của pháp luật hình sự nói chung hay lịch sử lập pháp về tuổi chịu trách nhiệm hình sự nói riêng, có thể thấy rõ chính sách của Đảng và Nhà nước ta vẫn luôn luôn đề cao tính nhân đạo, vẫn luôn xác định tính chất giáo dục phòng ngừa, trừng trị để giáo dục và răn đe của hình phạt. Xuất phát từ chính sách đó, quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự Việt Nam là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự phải căn cứ vào đặc điểm xã hội, tình hình tội phạm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Điều này đã được cụ thể hóa tại Điều 69 Bộ luật Hình sự 1999 (nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội) hay tại Điều 91 Bộ luật Hình sự 2015. Từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật cho thấy, người từ dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có các dấu hiệu tương tự hành vi phạm tội quy định trong Bộ luật Hình sự chiếm tỷ lệ rất ít trong tổng số người chưa thành niên phạm tội và vi phạm pháp luật. Hơn nữa, những trường hợp người dưới 14 tuổi thực hiện các hành vi tương tự hành vi phạm tội phần lớn đều mang tính bột phát và cảm tính trong những điều kiện, hoàn cảnh, mà thông thường phần lớn những người trong lứa tuổi này cũng sẽ thực hiện hành vi tương tự như vậy. Mặt khác, nhận thức và tri thức của lứa tuổi này còn rất hạn chế. Việc sử dụng các chế tài hình sự đối với họ là chưa cần thiết mà cần sử dụng biện pháp khác có hiệu quả và phù hợp hơn để tiếp tục nuôi

dưỡng, giáo dục họ hình thành nhân cách. Chính vì vậy Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành xác định người dưới 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về bất kì hành vi nguy hiểm nào cho xã hội. Người từ 14 đến 16 tuổi là lứa tuổi đã hình thành cơ bản về nhân cách, cách xử sự của họ đã thể hiện tính độc lập cao hơn hẳn so với lứa tuổi dưới 14. Hoạt động của họ vẫn chứa đựng nhiều yếu tố cảm tính, trước những điều kiện hoàn cảnh cụ thể. Tuy nhiên hành vi của những người ở lứa tuổi này đã gây ra cho xã hội những thiệt hại lớn, gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, và khả năng nhận thức của họ tuy còn hạn chế nhưng cũng đã hơn nhiều so với lứa tuổi dưới 14 tuổi. Vì vậy trách nhiệm hình sự cần phải đặt ra đối với lứa tuổi này trong một số trường hợp nhất định. Những người từ đủ 16 tuổi trở lên là lứa tuổi đã khá hoàn thiện về mặt nhận thức về ý nghĩa xã hội của hành vi và hậu quả, cũng như đã có khả năng điều khiển hành vi của mình. Đây cũng là nhóm có tỷ lệ thực hiện các hành vi phạm tội nhiều nhất trong nhóm người dưới 18 tuổi. Do đó, pháp luật hình sự nước ta xác định từ người từ đủ 16 tuổi trở lên họ sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do họ gây ra.

Như vậy chỉ trong những trường hợp nhất định, do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tính phổ biến của lứa tuổi thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, Nhà nước mới phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người chưa thành niên phạm tội.

- Cơ sở tâm lý

Có thể khẳng định, việc quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự không thể không dựa trên cơ sở về mặt tâm lý. Con người sống trong xã hội, với cấu tạo sinh học đặc biệt vốn đã có khuynh hướng hình thành và phát triển khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Nhưng phải trải qua quá trình hoạt động và giáo dục nhất định trong môi trường gia đình, nhà trường và xã hội, khả năng đó mới trở thành hiện thực. Đến một độ tuổi nhất định, khi thể chất và tâm sinh lý của con người phát triển ổn định, con người sẽ nhận thức được những gì

mà pháp luật cho phép hay không cho phép, để từ đó điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong quá trình phát triển tương ứng với mỗi giai đoạn tuổi, thì con người lại có những đặc điểm tâm sinh lý riêng, vì vậy hành vi nguy hiểm cho xã hội tương ứng với mỗi giai đoạn cần có những chính sách và quy định về trách nhiệm hình sự riêng. Phân tích bảng “sự hình thành và phát triển nhân cách của con người” [11, tr.84] có thể thấy rõ hơn điều đó:

Bảng 1.1: Sự hình thành và phát triển nhân cách con người

Lứa tuổi		Hoạt động chủ đạo	Đặc trưng tâm lý	Nét "trội" trong mục tiêu cần chú ý trong giáo dục
Giai đoạn	Thời kì			
Tuổi học sinh	Nhi đồng từ 6-7 tuổi đến 11-12 tuổi	Học tập phát triển trí tuệ	* Lĩnh hội nền tảng của tri thức và phương pháp, công cụ nhận thức * Ham tìm tòi khám phá * Hiếu động	* Phương pháp học tập và phẩm chất trí tuệ "lẽ phải" * Sử dụng công cụ nhận thức phổ thông
	Thiếu niên từ 11-12 tuổi đến 14-15 tuổi	Học tập giao lưu "nhóm bạn thân"	* Dậy thị * Quan hệ tâm tình bạn bè * "Cải tổ" nhân cách và định hình bản ngã * Muốn được đối xử như người lớn	* Mất thăng bằng tâm lý * Xây dựng nhóm bạn bè tốt
	Thanh xuân từ 14-15 đến 17-18 tuổi	Học tập hoạt động xã hội nghề nghiệp	* Hình thành thế giới quan * Định hướng chuẩn bị nghề nghiệp * Tình bạn thân và mối tình đầu	* Ý thức công dân * Ý thức nghề nghiệp * Hoài bão xã hội * Tình bạn, tình yêu

Độ tuổi 14-15 là độ tuổi bắt đầu của thời kì thanh xuân. Ở độ tuổi này, các em đã bắt đầu có những hoạt động và những định hướng cho riêng mình. Trong quá trình giao tiếp với bạn bè, người thân và xã hội, các em đã bắt đầu có ý thức về nghề nghiệp, về chính bản thân và bắt đầu hiểu biết về trách nhiệm và nghĩa vụ. Các em có thể hiểu được hành vi nào bị pháp luật ngăn cấm, hành vi nào được pháp luật cho phép...để từ đó điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với các quy định đó, song ở độ tuổi này mức độ nhận thức vẫn còn hạn chế. Đến độ tuổi 16, nhận thức của con người toàn diện hơn, ý thức pháp luật và tinh thần trách nhiệm ở mức cao hơn. Tuy nhiên, những người ở độ tuổi này đang trong giai đoạn phát triển nên bị chi phối bởi những đặc điểm tâm lý riêng, do vậy khi quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự cũng cần xét đến các đặc điểm này để quy định cho phù hợp. Cụ thể những người trong độ tuổi này có những nét đặc trưng tâm lý sau:

- Một là về trạng thái cảm xúc của người chưa thành niên

Theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Hình sự năm 1999, người từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi được gọi là người chưa thành niên. Những người trong độ tuổi này là người đang trong quá trình phát triển cả về sinh lý cơ thể lẫn tâm lý, ý thức. Sự phát triển không cân bằng giữa hệ tim và mạch. Tim phát triển nhanh hơn các mạch máu đã gây ra sự thiếu máu trong từng bộ phận trên vỏ não và đôi khi còn làm rối loạn chức năng trong hoạt động của hệ tim mạch. Do đó, những người trong độ tuổi này thường có cảm giác mệt mỏi, dễ bị kích động, dễ nổi nóng. Đồng thời trong hoạt động của hệ thần kinh trung ương, dễ đưa họ đến những cơn xúc động mạnh, những phản ứng nóng nảy vô cớ, những hành vi bất bình thường. Vì vậy nhiều trường hợp không làm chủ được bản thân, dễ bị kích động, lôi kéo, dễ gây gổ [10, tr.68]. Những trạng thái tâm lý này làm cho họ dễ có những sai lầm trong nhận thức và thực hiện hành vi.

- Hai là, người chưa thành niên có nhu cầu độc lập rất lớn

Những người trong độ tuổi này thường cho rằng “mình không còn là trẻ con nữa”, muốn tự quyết định các vấn đề, muốn khẳng định mình trước cha mẹ, bạn bè và mọi người xung quanh [10,tr.70]. Sự vươn lên vị trí độc lập của người chưa thành niên theo xu hướng chung diễn ra rất tự phát. Do vậy, nếu không được định hướng, giải thích một cách đúng đắn về lối sống, về ý thức, trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, đồng thời thiếu biện pháp giáo dục, quản lý của gia đình, nhà trường và xã hội sẽ dẫn đến những hành vi lệch chuẩn không đáng có.

- Ba là về nhận thức pháp luật của người chưa thành niên

Do ít khi phải tiếp xúc với pháp luật nên nhu cầu hiểu biết pháp luật của những người này chưa có, dẫn đến các kiến thức về pháp luật của những người trong độ tuổi này còn rất hạn chế. Nhiều bị cáo chưa thành niên khi được hỏi tại sao bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội? Bị cáo trả lời: bị cáo không nghĩ rằng hành vi của mình lại bị coi là nguy hiểm đến thế. Thực tế các em trong độ tuổi này có thể nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng không nhận thức hết được hậu quả trong hành vi của mình. Vì thế khi quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự cũng phải xét đến sự hạn chế trong nhận thức và hiểu biết về pháp luật của người chưa thành niên.

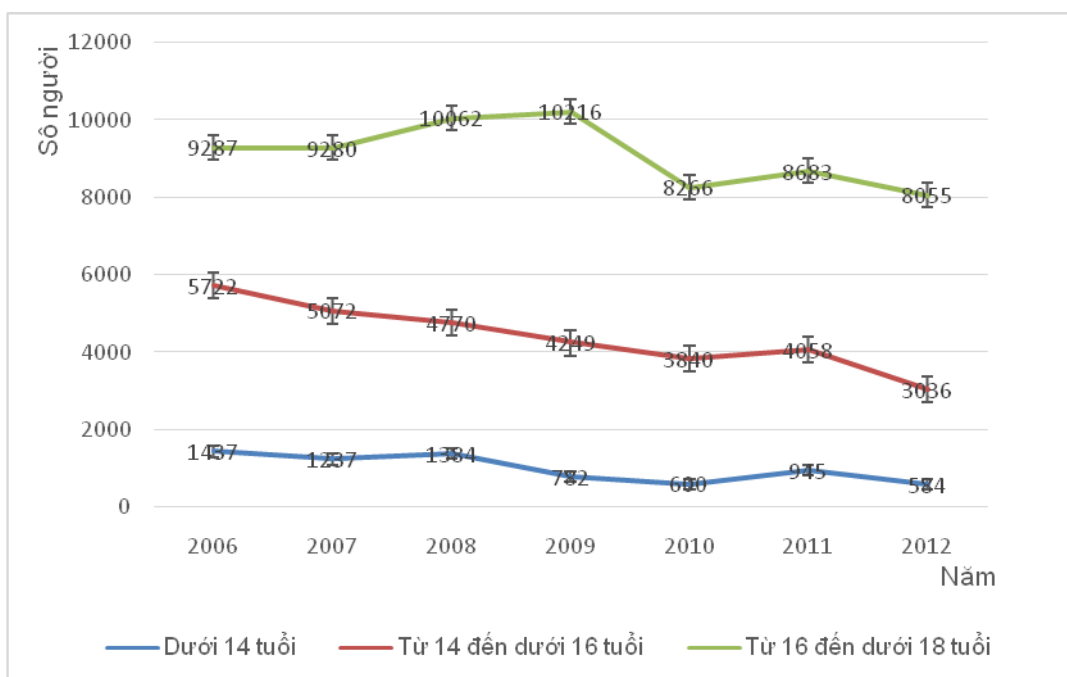
Xuất phát từ những đặc trưng tâm lý trên, hành vi nguy hiểm cho xã hội do người chưa thành niên thực hiện thường mang tính chất nhất thời, không ổn định do thiếu khả năng kiềm chế, kiểm soát hành vi của mình, dễ nổi nóng, bốc đồng...Họ dễ bị người khác dụ dỗ, kích động, thúc đẩy vào việc thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, do ý thức phạm tội của họ chưa rõ ràng và chưa chắc chắn nên dễ uốn nắn, cải tạo, giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội. Nếu có biện pháp, phương hướng giáo dục phù hợp sẽ đem lại hiệu quả cao hơn. Vì vậy, pháp luật chỉ nên truy cứu trách nhiệm hình sự người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi trong những trường hợp thật cần thiết, hành vi phạm tội mang

tính chất nghiêm trọng. Những người từ 16 tuổi trở lên đã có khả năng nhận thức toàn diện hơn nên có thể truy cứu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

Ở một khía cạnh khác, có thể thấy rằng sự phát triển tâm lý của con người cũng chịu ảnh hưởng rất lớn bởi điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường sống. Ở mỗi điều kiện, môi trường khác nhau thì sự phát triển đó sẽ khác nhau. Ví dụ trẻ em ở thành phố nhìn chung sẽ có sự phát triển nhanh hơn trẻ em ở những vùng nông thôn hay dân tộc vùng núi. Do đó, cũng có nhiều quan điểm cho rằng cần quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo vùng miền, theo địa bàn nông thôn, thành thị.[18, tr19]

1.2.2. Cơ sở thực tiễn

Theo thống kê của Bộ Công an, tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật trong giai đoạn từ năm 2006-2012 được thể hiện qua biểu đồ như sau: [10, tr54]



*Biểu đồ thể hiện tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật
giai đoạn 2006-2012 theo độ tuổi*

Những số liệu trên đã cho thấy độ tuổi chưa thành niên phạm tội chủ yếu là từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, trong 4 năm gần từ 2008-2012 độ tuổi này luôn

chiếm tỉ lệ trên 95% số người chưa thành niên phạm tội. Đặc biệt độ tuổi từ đủ 17 đến dưới 18 tuổi chiếm tỉ lệ rất cao, khoảng 60% trong tổng số người chưa thành niên phạm tội, bên cạnh đó thì số lượng người dưới 14 tuổi vi phạm có sự biến động nhưng vẫn luôn chiếm tỉ lệ rất thấp. Lứa tuổi từ 14 đến dưới 16 vi phạm pháp luật có chiều hướng giảm nhưng vẫn giữ ở mức cao (32%) hơn số lượng người dưới 14 tuổi vi phạm pháp luật (8%). Số liệu này cũng phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của người chưa thành niên. Lứa tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 là lứa tuổi đã hình thành cơ bản về nhân cách, các xử sự của họ đã thể hiện tính độc lập cao hơn rất nhiều so với lứa tuổi dưới 14. Tuy nhiên, hoạt động của họ vẫn nằm dưới sự giám sát của gia đình, nhà trường và xã hội vì vậy tỉ lệ lứa tuổi này xâm phạm vào các quan hệ được luật hình sự bảo vệ vẫn còn rất ít. Hoạt động của họ vẫn chứa đựng nhiều yếu tố cảm tính, trước những điều kiện hoàn cảnh cụ thể. Nhưng thực tiễn cũng cho thấy một số trường hợp, hành vi của những người ở lứa tuổi này cũng đã gây ra cho xã hội những thiệt hại rất lớn và để lại những hậu quả rất nghiêm trọng thậm chí đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy trách nhiệm hình sự đối với lứa tuổi này cũng chỉ được xác định trong những trường hợp nhất định. Đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên là lứa tuổi phổ biến nhất thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ, bởi lẽ đặc điểm tâm lý giai đoạn này hầu như các hành động của cá nhân trong quá trình giao tiếp xã hội đều do họ tự quyết định.

Như vậy, để xác định các vấn đề liên quan đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong luật hình sự, các nhà làm luật cần phải căn vào cả yếu tố là cơ sở tâm sinh lý học và cơ sở thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm.

1.3. Lịch sử lập pháp Hình sự Việt Nam về tuổi chịu trách nhiệm hình sự

1.3.1. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo luật Hình sự Việt Nam thời kì phong kiến

Khoảng thời gian dài gần 400 năm (1428 – 1802), nhà nước phong kiến Đại Việt không ngừng xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Mặt khác, do tình hình

chính trị xã hội ở từng triều đại và mỗi đời vua có những biến động nên sự phát triển của pháp luật cũng có sự khác nhau. Trong những di sản đồ sộ của thời kì này, hệ thống pháp luật được coi là kho báu có giá trị lớn. Trong đó bộ Quốc Triều Hình Luật hay còn gọi là Bộ luật Hồng Đức và Bộ Hoàng Việt Luật Lệ còn gọi là Bộ luật Gia Long được xem là hai bộ luật tiêu biểu cho luật hình phong kiến nói riêng và nền lập pháp Việt Nam dưới chế độ phong kiến nói chung.

* Quốc Triều Hình Luật có thể nói là bộ luật đỉnh cao trong thành tựu lập pháp của các Nhà nước phong kiến Việt Nam, vì bộ luật này là cơ sở cho việc biên soạn những bộ luật trong các chế độ Nhà nước tiếp theo. Đây là bộ luật xưa nhất còn lưu giữ được đầy đủ cho tới ngày nay, bao gồm tổng thể các quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội khác nhau trên các lĩnh vực hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, tố tụng... và được xây dựng kèm theo các chế tài. Các bộ luật phong kiến nói chung và bộ Quốc Triều Hình Luật nói riêng, hình luật là nội dung trọng yếu và có tính chất chủ đạo, bao trùm toàn bộ nội dung của bộ luật. Về hình sự: Bộ luật quy định một số nguyên tắc chung khi áp dụng hình phạt, phân biệt tội phạm do cố ý với tội phạm vô ý để tha người làm lỡ không trị tội nặng, bắt người cố ý không kể tội nhẹ, xử nặng kẻ chủ mưu, khởi xướng... Phần hình phạt cho phép chuộc tội bằng tiền, những vẫn cho áp dụng 5 loại hình phạt chính: xuy (đánh roi), trượng (đánh gậy), đồ (phạt làm khổ sai), lưu (đày đi nơi xa), tử (chết). Mỗi hình phạt chia làm nhiều bậc tùy thuộc theo tội nặng nhẹ khác nhau mà xử lý. Có nhiều quy định liên quan đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Cụ thể [22, tr221]:

+ Về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, theo Điều 16: người từ đủ 8 tuổi trở lên đến 90 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vi phạm của mình tuy có phân biệt ở mức độ và phạm vi khác nhau.

+ Nguyên tắc chiếu cố: nguyên tắc này được thể hiện ở một số loại người được chiếu cố và nội dung chiếu cố. Trong đó có chiếu cố theo địa vị xã hội, hai là chiếu cố theo tuổi tác và đối với người tàn tật, phụ nữ: Điều 16 quy định

những người từ 70 tuổi trở lên, từ 15 tuổi trở xuống hoặc người bị tàn phế, phạm từ tội lưu trở xuống đều cho chuộc bằng tiền, ngoại trừ khi phạm thập ác. Từ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống hoặc bị ác tật, nếu phạm tội phản nghịch, giết người đáng tội chết thì cũng phải tâu để vua quyết định, nếu ăn trộm và đánh người bị thương thì cho chuộc bằng tiền, còn ngoài ra thì không bắt tội. Từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống dẫu bị tội chết cũng không hành hình, nếu có kẻ nào xui xiểm thì bắt tội kẻ đó, nếu ăn trộm có tang vật thì kẻ nào chứa chấp tang vật ấy phải bồi thường. Theo Điều 17, người già cả hoặc bị tàn tật trước đây phạm tội đến khi già cả tàn tật mới bị phát hiện hoặc người khi còn bé phạm tội đến khi lớn lên mới bị phát giác thì đều được xử theo luật già cả, tàn tật, trẻ nhỏ. Có thể thấy nếu như chiếu cố về địa vị xã hội thể hiện bản chất giai cấp của Bộ luật thì chiếu cố đối với người già, trẻ em, người tàn tật, phụ nữ biểu hiện tính nhân đạo của nhà làm luật. Điều này cũng thể hiện một chính sách hình sự nhân văn trong một xã hội phong kiến hà khắc nước ta.

+ Nguyên tắc chuộc tội bằng tiền: được thể hiện ở việc một số loại người được chuộc tội, một số loại tội được chuộc bằng tiền. Theo Điều 16, người già từ 70 tuổi trở lên, trẻ em từ 15 tuổi trở xuống nếu phạm từ tội lưu trở xuống đều được chuộc bằng tiền, người già từ đủ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống nếu phạm tội trộm cắp, tội đánh người thành thương thì cho chuộc.

Có thể thấy, do không đặt ra vấn đề lỗi, nên Quốc Triều Hình Luật cũng không đặt ra vấn đề chủ thể của tội phạm nói chung cũng như trách nhiệm hình sự nói riêng. Độ tuổi của chủ thể tuy được đặt ra nhưng nhằm mục đích giải quyết vấn đề nhân đạo trong chính sách hình sự. Theo đó, tuổi càng cao (với những người 70 tuổi trở lên), hoặc tuổi càng thấp (với những người từ 15 tuổi trở xuống hoặc mức độ ảnh hưởng của bệnh tật càng lớn thì trách nhiệm hình sự đặt ra sẽ ít nghiêm khắc hơn. Đây là điểm mới, tiến bộ của Quốc Triều Hình Luật so với các bộ luật trước đó, coi độ tuổi là một trong các căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi xử lý, quyết định hình phạt.

* Cùng với Quốc Triều Hình Luật, Bộ Hoàng Triều Luật lệ được đánh giá là điển hình trong hoạt động lập pháp dưới triều Nguyễn. Cũng giống như thời kỳ nhà Lê, pháp luật hình sự thời kỳ nhà Nguyễn rất chú trọng đến việc bảo vệ quyền thống trị của Nhà nước phong kiến tập quyền. Hành vi xâm phạm đến quyền lợi của giai cấp thống trị tất yếu sẽ bị trừng trị. Theo đó, phần hình sự trong Bộ luật được cấu tạo tương tự như Bộ Quốc triều Hình luật, nhưng phần hình phạt được chia theo các khung cụ thể hơn. Ví dụ, phạt đồ được chia làm 5 bậc với thời gian từ 1 năm 3 năm, phạt lưu đầy bị đầy đi xa 2000 đến 3000 hải lý, tử hình gồm giao (thắt cổ cho chết), trảm (chém đầu), lăng trì (tùng xẻo)...Diện trừng trị của Hoàng Triều Luật lệ mở rộng hơn, đặc biệt là nguyên tắc tập thể chịu hình phạt được áp dụng đối với tội quan trọng xâm phạm vào lợi ích nhà nước, lợi ích nhà vua. Quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự cũng là một trong những nội dung không thể thiếu trong việc xác định trách nhiệm hình sự. Điều 21 quyển III Bộ luật Gia Long quy định: “Người từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống dù có phạm tội chết cũng không chịu hình phạt nào”. Mặc dù không quy định trực tiếp quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng Bộ luật xác định người từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống thực hiện hành vi phạm tội, dù có phạm tội chết cũng không bị xử phạt. So với quy định trong Quốc Triều Hình Luật, hình phạt áp dụng với “người từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống” nhẹ hơn. Tuy nhiên, bộ luật quy định người từ 7 tuổi trở lên hay 8 tuổi thì phải chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi phạm tội là quá nghiêm khắc. Bởi lẽ ở độ tuổi này nhận thức và hiểu biết chưa toàn diện, không nhận thức hết tính nguy hiểm trong hành vi phạm tội của mình, vì vậy áp dụng biện pháp trừng phạt với những hành vi ở độ tuổi này không đem lại hiệu quả, ảnh hưởng xấu đến tâm lý và cuộc sống của những người đó.

Tóm lại, trong pháp luật hình sự thời kì phong kiến Việt Nam, hình phạt và quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự rất hà khắc. Mặc dù pháp luật quy định mỗi độ tuổi của người phạm tội là căn cứ để giảm nhẹ hoặc miễn giảm

trách nhiệm hình sự nhưng nhìn chung quy định mức tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong thời kì này là rất thấp. Tuy nhiên, pháp luật trong thời kì này quy định “người già” (người từ 70 tuổi trở lên) cũng là đối tượng được giảm nhẹ hoặc miễn trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi phạm tội. Đây là điểm khác biệt lớn so với quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện nay.

1.3.2. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo luật Hình sự Việt Nam giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985

Ngày 19/12/1946, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến mà Đảng ta đề ra, từ bản chỉ thị toàn dân kháng chiến ngày 22/12/1946, là: Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kì kháng chiến, vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Mục tiêu cơ bản của thời kì này là bảo vệ độc lập dân tộc và Nhà nước dân chủ nhân dân. Hoàn cảnh chiến tranh, đường lối kháng chiến và mục tiêu cơ bản trên chi phối toàn bộ phương thức, hoạt động và pháp luật của nhà nước.

Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, luật pháp của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tập trung vào kiện toàn bộ máy nhà nước và cách lĩnh vực: pháp luật về việc huy động sức người sức của cho cuộc kháng chiến, pháp luật về giảm tô, giảm tức và Luật cải cách ruộng đất, pháp luật về các quyền tự do dân chủ. Trong thời kì này, chưa thể xây dựng hoàn chỉnh và hệ thống hóa các quy định pháp luật về hình sự, do đó các quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự không được tập hợp một cách có hệ thống mà nằm rải rác ở nhiều văn bản khác nhau. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, đánh dấu sự ra đời của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, với quan điểm nhân đạo và khoa học, Nhà nước xác định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự: “Nếu quá 16 tuổi thì bị xử lý như người lớn, nếu trẻ em dưới 16 cần phải phân biệt như sau: phạm pháp có ý thức thì cũng có thể truy tố trước Toà án và xử phạt nặng nề, nhẹ tùy theo tội trạng, tuy nhiên mức độ nhẹ hơn đối với người lớn phạm pháp. Nếu

phạm pháp không có ý thức thì không bị truy tố trước Tòa án nhưng có thể hoặc giao cho cha mẹ bảo lãnh về nuôi hoặc đưa đến cơ quan cứu tế xã hội nuôi dưỡng giáo dục”. Theo quy định này, 16 tuổi là căn cứ để quyết định hình phạt đối với người phạm pháp, người từ 16 tuổi trở nên là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ nên khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị xử lý như người lớn, người phạm pháp dưới 16 tuổi thì căn cứ vào mức độ lỗi để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây có thể nói là một trong những nhận thức và tư tưởng tiên bộ của các nhà lập pháp lúc bấy giờ, khi quy định đã cân nhắc và xem xét đầy đủ các yếu tố khoa học, nhân đạo và sự phát triển tâm sinh lý của con người khi thực hiện hành vi phạm tội. Đây cũng là tiền đề cho sự tiếp thu và phát triển các quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự sau này.

Trong thời kì cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân 1945 – 1954, hệ thống pháp luật của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa bước đầu được hình thành nhưng chưa hoàn chỉnh. Nhiều lĩnh vực quan hệ xã hội chưa được pháp luật điều chỉnh. Từ năm 1954, miền Bắc bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời cả nước tập trung vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Vì vậy nhiệm vụ quan trọng của nhà nước là phải xây dựng luật pháp cho phù hợp với những quan hệ xã hội mới, từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật. Pháp luật từ bản chất dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang bản chất xã hội chủ nghĩa, vừa góp phần xây dựng miền Bắc, vừa phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975, dưới sự giúp đỡ của Mỹ, chính quyền Việt Nam Cộng hòa được thành lập. Năm 1972 Bộ Hình luật được tổng thống Việt Nam cộng hòa ban hành bằng Sắc luật số 026 TT-TLU ngày 20/12/1972 đã quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Điều 77: “Tội phạm không cấu thành nếu can phạm là vị thành niên 13 tuổi khi phạm pháp”. Theo quy định đó thì hành vi nguy hiểm cho xã hội do người dưới 13 tuổi thực hiện không bị coi là tội phạm do đó không phải chịu trách nhiệm hình sự. Quy định độ tuổi như vậy thấp hơn so với quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại pháp

luật miền Bắc. Tuy có sự khác biệt trong quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng đây được đánh giá là những văn bản pháp lý quan trọng trong hoạt động xét xử của hai miền.

Có thể thấy trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985, tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội ở nước ta được thể hiện trong các Bản tổng kết, hướng dẫn đường lối xét xử của Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, trên cơ sở kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn xét xử, Tòa án nhân dân tối cao đã thông qua báo cáo tổng kết công tác xét xử bốn năm (1965 – 1968) và nhận định: *“Về đường lối xử lý, do luật pháp còn thiếu và kinh nghiệm chúng ta còn ít nên tòa án còn lúng túng. Cụ thể là tuổi nào trở lên mới được coi là có trách nhiệm hình sự? Đối với các vị thành niên thuộc lứa tuổi được coi là trách nhiệm hình sự thì phân biệt với các trường hợp cần truy tố với các trường hợp không cần truy tố như thế nào? Khi lượng hình, chiếu cố tới trình độ hiểu biết về pháp luật còn non kém và sự suy nghĩ còn thiếu chín chắn, vững vàng của lứa tuổi thanh niên, thiếu niên như thế nào cho phù hợp...”* [35, tr.14]. Thực hiện theo đường lối xử lý đó, Tòa án nhân dân tối cao đã xác định:

“- Về nguyên tắc, từ đủ 14 tuổi tròn trở lên coi là có trách nhiệm về mặt hình sự. Nói chung đối với lứa tuổi từ 14 đến 16 chỉ nên truy tố, xét xử trong những trường hợp phạm các tội nghiêm trọng như giết người, cướp của, hiếp dâm... Riêng về hiếp dâm nói chung vẫn chủ yếu là giáo dục và cũng chỉ nên truy tố, xét xử trong trường hợp nghiêm trọng.

- Đối với lứa tuổi từ 16 đến 18, nếu hành vi phạm pháp có tính chất tương đối nghiêm trọng, nói chung là cần xét xử, nhưng so với người lớn cần xử nhẹ hơn.

Những điểm trên đây chỉ là hướng dẫn đại cương, còn cần được thực tiễn kiểm nghiệm và bổ sung thêm. Có trường hợp phạm tội giết người, cướp của, can phạm trên 13 tuổi, dưới 14 tuổi giữa ba ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án chưa nhất trí với nhau về vấn đề có nên truy tố hay không? Có trường hợp vị thành niên trên 16 tuổi tụ tập với một số khác gây nhiều vụ trộm cắp nghiêm

trọng, nhưng chỉ xử án treo vì chiếu cố quá đáng tới tuổi còn non trẻ của bị cáo, sau đó bị cáo lại phạm tội giết người. Ngược lại, có những trường hợp chưa chú ý đúng mức tới trình độ nhận thức của bị cáo còn thiếu chín chắn, thiếu vững vàng nên đã xử phạt quá nặng... ”.

Đến bản tổng kết số 452-HS2 ngày 10/8/1970 của Tòa án nhân dân tối cao về thực tiễn xét xử loại tội giết người đã đề cập đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội giết người và đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội giết người, trong đó nêu rõ: *“Vì tội giết người là một tội hết sức nguy hiểm mà lứa tuổi từ 14 tuổi tròn trở lên đã có thể nhận thức được ít nhiều tính chất, cho nên, nói chung, cần truy tố xét xử các trường hợp giết người mà can phạm có từ 14 tuổi tròn trở lên. Tuy nhiên, vì nhận thức của can phạm còn non nớt, cho nên cần xử nhẹ hơn so với người đã lớn...Mức hình phạt đối với các can phạm này nói chung chỉ nên từ khoảng 15 năm tù trở xuống. Đối với các can phạm đã có từ 16 tuổi tròn trở lên cho đến dưới 18 tuổi một ít cũng có thể xử nhẹ một phần so với can phạm đã lớn và đối với tất cả các loại can phạm này, nói chung, không nên áp dụng hình phạt tử hình”* [35, tr.19]. Ngoài ra, về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, tại chuyên đề sơ kết kinh nghiệm về việc xét xử các vụ án về người chưa thành niên phạm tội (gửi kèm Công văn số 37-NCPL ngày 16-01-1976 của Tòa án nhân dân tối cao), Tòa án nhân dân tối cao đã nhấn mạnh: *“Phải coi việc phạm tội chưa đến tuổi trưởng thành là một trường hợp được giảm nhẹ tội, nghĩa là phải xử phạt nhẹ người chưa thành niên hơn người lớn tuổi phạm tội trong những điều kiện tương tự. Đó là một nguyên tắc cần được quán triệt. Việc xử phạt nhiều, ít tùy thuộc ở trình độ nhận thức và trạng thái tâm sinh lý của người chưa thành niên đến mức độ nào được thể hiện chung qua lứa tuổi cao thấp khác nhau, ở hoàn cảnh phạm pháp, ở tính chất nguy hiểm nhiều hay ít của hành vi phạm tội cũng như yêu cầu của tình hình chung...”*[35, tr36].

Như vậy thực tiễn xét xử trong thời kì này cho thấy đa số các tòa án chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội từ đủ 14 tuổi trở lên. Sự phân hóa trách nhiệm hình sự theo độ tuổi đã rõ ràng, cụ thể hơn: từ 14 đến dưới 16 tuổi sẽ bị xét xử trong trường hợp phạm tội nghiêm trọng, phạm tội trong độ tuổi từ 14 đến dưới 18 tuổi sẽ được Tòa án giảm nhẹ hình phạt. Nhà nước không coi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong độ tuổi này là tội phạm mà chỉ xác định là trẻ em hư, do sai lầm trong nhận thức mà dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Do đó chính sách xử lý với những người phạm tội trong độ tuổi này nhẹ hơn. Điểm tiến bộ trong luật hình sự thời kì này là đã bắt đầu phân hóa trách nhiệm hình sự với người phạm tội theo độ tuổi. Sự phân hóa này dựa trên sự đánh giá mức độ nhận thức của người chưa thành niên về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà họ thực hiện, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước trong đường lối xử lý người chưa thành niên phạm tội.

Tóm lại, tính đến thời điểm trước khi ban hành Bộ luật Hình sự 1985 có một số văn bản pháp luật quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Tùy từng giai đoạn, từng vùng miền, căn cứ vào đặc điểm kinh tế xã hội, nhận thức của con người...mà các văn bản quy định độ tuổi chịu trách hình sự khác nhau. Nhìn chung pháp luật trong giai đoạn này chủ yếu xét xử theo án lệ thông qua công tác tổng kết và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Thông qua sự hướng dẫn đó cũng đã thống nhất một số nội dung liên quan đến xác định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đó là từ đủ 14 tuổi tròn trở lên. Tuy nhiên vì là bản tổng kết công tác nên hiệu lực của văn bản này cũng có những hạn chế nhất định và thực tiễn áp dụng chưa thống nhất, còn nhiều trường hợp truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người chưa đủ 14 tròn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Bên cạnh đó một số văn bản pháp luật ban hành ở miền Nam quy định người từ đủ 13 tuổi trở lên là người bắt đầu có năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do mình gây ra. Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho

thấy quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự bắt đầu từ 13 tuổi là chưa thực sự khoa học và phù hợp. Do vậy, để thống nhất trong việc quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đặt trước tình hình và nhiệm vụ mới, Bộ luật Hình sự 1985 được ban hành, đánh dấu một dấu mốc quan trọng trong lịch sử lập pháp của nước ta.

1.3.3. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định Bộ luật Hình sự năm 1985

Bộ luật Hình sự 1985 được Quốc hội khóa VII kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27/6/1985 là một dấu mốc quan trọng nhất trong sự phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam. Đây là công cụ quan trọng để đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong lời nói đầu của Bộ luật khẳng định: “Bộ luật hình sự này kế thừa và phát triển Luật hình sự của Nhà nước ta từ Cách mạng tháng Tám đến nay, tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh phòng chống và phòng ngừa tội phạm ở nước ta trong mấy chục năm qua và có dự kiến tình hình diễn biến của tội phạm trong thời gian tới”. Có thể nói lần đầu tiên các quy định về tội phạm và hình phạt trong pháp luật hình sự được pháp điển hóa trong một văn bản pháp luật có giá trị cao – Bộ luật hình sự, chỉ những hành vi phạm tội được quy định trong văn bản này mới bị coi là tội phạm và chịu sự xử lý nghiêm khắc của Nhà nước. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự là dấu hiệu pháp lý bắt buộc đối với chủ thể của phạm tội được quy định tại Điều 58 của Bộ luật với nội dung sau:

“1. Người từ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội phạm nghiêm trọng do cố ý.”

2. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.”

Từ nội dung điều luật này cho thấy, theo Bộ luật hình sự năm 1985, tuổi chịu trách nhiệm hình sự được xác định căn cứ vào loại tội phạm (tội phạm nghiêm trọng và tội phạm ít nghiêm trọng) và hình thức lỗi (cố ý hay vô ý). Quy định này đã khắc phục được hạn chế trong quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trước đó. Nếu như trong giai đoạn trước cá biệt vẫn có trường hợp tòa án xét xử người thực hiện hành vi nguy hiểm dưới 14 tuổi thì theo Bộ luật hình sự

1985 những trường hợp này do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hoặc nhiều vụ án giống nhau về hành vi, hậu quả nhưng có trường hợp người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có trường hợp người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ hai điều kiện, cụ thể:

- Một là, tội phạm do người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện là tội phạm nghiêm trọng. Hướng dẫn vấn đề này, Khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự 1985 quy định :

“ Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên năm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình

Những tội phạm khác là tội phạm ít nghiêm trọng”

Theo quy định trên, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội nghiêm trọng tức là phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt là trên năm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Những tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt từ năm năm trở xuống hoặc hình phạt khác nhẹ hơn thì người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Hai là, tội phạm đó phải là tội do cố ý: người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi phạm tội nghiêm trọng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi tội phạm đó được thực hiện do lỗi cố ý của chủ thể tội phạm. Mọi trường hợp phạm tội nghiêm trọng do vô ý, người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hướng dẫn cụ thể vấn đề này, Nghị quyết số 02/1986 hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự 1985 quy định: *“Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi thì chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội nghiêm trọng do cố ý. Do đó hành vi nguy hiểm do vô ý thì người*

chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự”.

Như vậy người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi theo quy định của Bộ luật hình sự 1985 chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt là trên năm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình do lỗi cố ý. Người từ đủ 16 tuổi trở lên được coi là có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ nên trách nhiệm hình sự được đặt ra trong mọi trường hợp dù có phạm tội ít nghiêm trọng hay nghiêm trọng, do cố ý hay vô ý đều phải chịu trách nhiệm hình sự. So với các quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam trước khi ban hành Bộ luật Hình sự 1985 có thể thấy: lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, tuổi chịu trách nhiệm hình sự đã được quy định chính thức trong luật. Luật đã phân hóa độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của chủ thể của tội phạm theo loại tội phạm: người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự, người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội phạm nghiêm trọng do cố ý, người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Điều 58 Bộ luật Hình sự 1985 tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện tốt nhất việc xử lý hình sự trong hoạt động của mình. Tuy nhiên quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Điều 58 Bộ luật Hình sự 1985 lại xếp ở chương những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội là chưa chính xác vì tuổi chịu trách nhiệm hình sự là dấu hiệu của chủ thể tội phạm, phải xếp ở chương tội phạm mới phù hợp. Đây cũng là một trong những nội dung đã được Bộ luật Hình sự tiếp theo nghiên cứu và sửa đổi.

Tóm lại, Bộ luật Hình sự 1985 ra đời là một bước ngoặt pháp lý quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Từ ngày được ban hành đến trước khi được thay thế, Bộ luật Hình sự 1985 đã qua 4 lần sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên việc sửa đổi, bổ sung này vẫn mang tính chắp vá, chỉ sửa đổi, bổ sung

phần các tội phạm còn phần chung chưa đề cập. Trong khi đó tình hình kinh tế xã hội trong nước cũng như tình hình quốc tế đã có nhiều biến đổi, tình hình tội phạm cũng đã có những thay đổi mang tính quốc tế, một số hành vi được quy định là tội phạm không còn phù hợp nữa, một số hành vi khác có tính nguy hiểm cao cho xã hội cần phải được hình sự hóa. Yêu cầu đổi mới mọi mặt đời sống đất nước đặt ra nhiệm vụ xem xét sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự 1985 một cách cơ bản, toàn diện nhằm kịp thời thể chế chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ra trong giai đoạn phát triển mới, đảm bảo hiệu quả cao của cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, góp phần đắc lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới và hội nhập, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức và áp dụng Bộ luật một cách thống nhất.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở phân tích nghiên cứu những vấn đề lý luận về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, ở chương này tác giả đã trình bày những nội dung cơ bản sau:

- Xây dựng khái niệm tuổi chịu trách nhiệm hình sự, là độ tuổi nhằm xác định khi một người phát triển đến độ tuổi đó mới có thể phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc loại trách nhiệm, mức trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do mình gây ra. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự quy định về nguyên tắc được xác định là tuổi tròn. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự được xác định từ khi sinh ra đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội.

- Phân tích làm rõ cơ sở quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Từ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn. Về mặt xã hội từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật cho thấy, người từ dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có các dấu hiệu tương tự hành vi phạm tội quy định trong Bộ luật Hình sự chiếm tỷ lệ rất ít trong tổng số người chưa thành niên phạm tội và vi phạm pháp luật. Hơn nữa, những trường hợp người dưới 14 tuổi thực hiện các hành vi tương tự hành vi phạm tội phần lớn đều mang tính bột phát và cảm tính trong những điều

kiện, hoàn cảnh, mà thông thường phần lớn những người trong lứa tuổi này cũng sẽ thực hiện hành vi tương tự như vậy. Mặt khác trên cơ sở phân tích về sự phát triển tâm sinh lý của con người cho thấy sự phát triển hoàn thiện về cả thể chất và tinh thần, nên họ vẫn chưa hoàn toàn nhận thức đầy đủ và quyết định chính xác hình vi của mình, đặc biệt là nhận thức tính nguy hiểm của hành vi.

- Nghiên cứu, tìm hiểu quá trình lập pháp về tuổi chịu trách nhiệm hình sự ở nước ta từ thời kì phong kiến đến giai đoạn hiện nay cho thấy các giai đoạn phát triển của Nhà nước tất cả các quy định của luật hình sự đều có những quy định liên quan đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Cùng với đó là phân tích quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự một số nước trên thế giới để có sự so sánh, tổng quát hơn về quy định hiện hành ở nước ra

Chương 2

QUY ĐỊNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ TUỔI CHỊU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định Bộ luật Hình sự năm 1999

Sau 15 năm thi hành, Bộ luật Hình sự 1985 có vị trí quan trọng trong hệ thống pháp luật nước ta, đã thật sự là một trong những công cụ sắc bén của Nhà nước để bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ Xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trước yêu cầu của công cuộc đổi mới, Bộ luật Hình sự 1985 mặc dù đã qua 4 lần sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn bộc lộ một số hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Trong bối cảnh đó, Bộ luật Hình sự 1999 được Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999 có hiệu lực từ ngày 1/7/2000, được sửa đổi bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Hình sự số 27/QHXII ngày 19 tháng 6 năm 2009 bao gồm 353 điều luật trong đó chia làm 24 chương với 77 điều trong phần chung chia làm 10 chương và 276 điều trong phần tội phạm. Trong Bộ luật Hình sự 1999, tuổi chịu trách nhiệm hình sự không còn nằm trong chương quy định đối với người chưa thành niên phạm tội như trong Bộ luật Hình sự 1985 mà đã được quy định tại một điều luật riêng thuộc chương III (tội phạm). Điều 12 Bộ luật Hình sự 1999 đã quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau:

- “1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.*
- 2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”*

Tại lời nói đầu của Bộ luật Hình sự 1999 đã nêu rõ: “Bộ luật hình sự này được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy những nguyên tắc, chế định pháp luật hình sự của nước ta, nhất là của Bộ luật hình sự năm 1985, cũng như những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trong

hiệu thập kỷ qua của quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Theo đó, có thể thấy rằng việc giữ nguyên độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Bộ luật Hình sự 1999 so với Bộ luật 1985 xuất phát cả về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời thể hiện rõ quan điểm, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về người chưa thành niên phạm tội. Theo quy định tại Điều 12, người từ đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi phạm tội. Tiếp tục kế thừa, hoàn thiện và bổ sung những quy định trong Bộ luật Hình sự 1985, quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Điều 12 Bộ luật Hình sự 1999 có nhiều điểm mới, cụ thể như sau:

- Quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự được đưa vào chương III (tội phạm) của Bộ luật Hình sự. Việc sắp xếp như vậy là hoàn toàn hợp lý và chính xác bởi lẽ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thuộc yếu tố chủ thể của tội phạm, đồng thời quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là cơ sở pháp lý chung áp dụng với mọi chủ thể. Nếu xếp quy định này vào chương những quy định đối với người chưa thành niên sẽ không phù hợp. Do vậy, Bộ luật Hình sự 1999 xếp quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự vào chương tội phạm là chính xác.

- Quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên, về cơ bản vẫn giữ nguyên như quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự 1985, đó là người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Tuy nhiên việc đưa lên thành Khoản 1 thể hiện luật hình sự xác định đây là lứa tuổi cơ bản chịu trách nhiệm hình sự.

- Do có sự thay đổi về phân loại tội phạm nên quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự 1999 cũng có sự thay đổi. Theo khoản 2 và khoản 3 Điều 8 thì tội phạm được phân thành bốn loại: tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm

trọng. Trong đó tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hiểm không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội đó là ba năm tù, tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hiểm lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt lên đến bảy năm tù, tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt là mười lăm năm tù, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hiểm đặc biệt cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

So sánh hai quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự của Bộ luật Hình sự 1985 và Bộ luật Hình sự 1999 thì thấy luật hình sự 1999 đã mở rộng phạm vi áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở lứa tuổi từ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi về hình thức lỗi. Đồng thời so sánh về khung hình phạt thì Bộ luật Hình sự 1999 lại thu hẹp phạm vi xử lý. Trong Bộ luật Hình sự 1985 người từ đủ 14 nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm mà mức cao nhất của khung hình phạt là trên năm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình còn trong Bộ luật Hình sự 1999 người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi mức cao nhất của khung hình phạt là trên 7 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Đây chính là điểm thể hiện chính sách hình sự mới đối với người chưa thành niên có ý nghĩa cực kỳ to lớn về tính nhân đạo của Nhà nước ta. Vì thế, trong nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21 tháng 12 năm 1999 về việc thi hành Bộ luật Hình sự của Quốc hội đã quy định: *“Không thể xử lý về hình sự đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt đến bảy năm tù, nếu vụ án đang được điều tra, truy tố, xét xử thì phải đình chỉ, trong trường hợp người đó đã bị kết án và đang chấp hành hình phạt hoặc đang được tạm đình chỉ thi hành án thì họ được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại, nếu người bị kết án vẫn chưa chấp hành hình phạt hoặc đang được hoãn thi hành án thì được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt”*.

Tóm lại, người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Về cả nội dung và hình thức quy định tại Bộ luật Hình Sự 1999 đều khoa học và hợp lý hơn so với quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Bộ luật Hình sự 1985.

2.2. Thực tiễn áp dụng quy định Bộ luật Hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự

2.2.1. Khó khăn, vướng mắc trong xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật hình sự Việt Nam

Điều 2 Bộ luật Hình sự 1999 đã khẳng định: “Chỉ người nào phạm một tội đã được bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự...”. Vậy làm thế nào để biết hành vi trên thực tế có phạm phải một tội được quy định trong luật hay không? Khoa học hình sự đã chứng minh rằng việc xác định đó bắt buộc phải căn cứ vào bốn yếu tố của cấu thành tội phạm (Chủ thể, khách thể, mặt chủ quan, mặt khách quan). Như vậy xét về mặt pháp lý, cấu thành tội phạm là cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự đồng thời là căn cứ pháp lý để định tội danh và khung hình phạt. Mặt khác độ tuổi là yếu tố luôn gắn liền với chủ thể của tội phạm. Vì vậy, tuổi là dấu hiệu cơ bản trong yếu tố chủ thể của tội phạm, do đó trong hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, xác định tuổi là yêu cầu bắt buộc. Theo khoản 2 Điều 302 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003, khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử cần phải xác định rõ: “*Tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên*”. Đây là thủ tục cần thiết để quyết định có truy cứu hay không truy cứu trách nhiệm hình sự với người phạm tội. Nhìn chung, từ khi luật hình sự được pháp điển hóa thành bộ luật đến nay, cách tính tuổi đã có sự thống nhất theo quy định của Bộ luật hình sự. Nghiên cứu quá trình áp dụng pháp luật hình sự từ năm 2006 đến nay cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố

tụng đã nhận thức rõ về các quy định tuổi trong Bộ luật Hình sự, các quy định về độ tuổi đã được thi hành cơ bản đúng yêu cầu. Mặt khác việc xác định tuổi còn cần thiết cho việc quyết định hình phạt và đảm bảo chế độ thi hành án đúng quy định của pháp luật. Do vậy khi điều tra, truy tố, xét xử những bị can, bị cáo mà lý lịch của họ chưa được làm rõ thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án chỉ được khởi tố, điều tra, truy tố xét xử khi có đầy đủ căn cứ kết luận rằng bị can, bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, trên thực tế áp dụng pháp luật, vẫn có những sai lầm nhất định trong quá trình xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự, chủ yếu thể hiện ở dạng không tính tuổi tròn mà tính tuổi đến. Vẫn còn một số trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ xác định năm mà không xác định cụ thể ngày tháng năm sinh của người phạm tội. Chính vì vậy trong những trường hợp này chỉ có thể tính tuổi theo năm mà không thể tính chính xác theo ngày. Điều này được Nghị quyết 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự 1985 đã quy định rõ: *“Cách tính tuổi do luật quy định là “đủ 14 tuổi”, hoặc “đủ 16 tuổi”, tức là tính theo tuổi tròn. Thí dụ: sinh ngày 1-1-1975 thì 1-1-1989 mới đủ 14 tuổi”*. Cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định tuổi căn cứ vào giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, hồ sơ học bạ và nhiều giấy tờ khác liên quan đến nhân thân người phạm tội để xác định chính xác tuổi của người phạm tội. Trong hồ sơ vụ án nhất thiết phải có bản sao giấy khai sinh (nếu là trường hợp có giấy khai sinh) hoặc các biên bản xác minh có xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền (nếu là trường hợp không có giấy khai sinh). Như vậy, giấy khai sinh được coi là giấy tờ quan trọng nhất để xác định chính xác tuổi của người phạm tội, trong trường hợp không có giấy khai sinh hoặc nghi ngờ về tính thiếu chính xác trong giấy khai sinh cơ quan tiến hành tố tụng sẽ căn cứ vào các giấy tờ khác.

Những trường hợp có các giấy tờ, tài liệu xác định chính xác ngày sinh của người phạm tội thì việc xác định tuổi ít xảy ra sai lầm trong áp dụng độ tuổi, tuy nhiên nếu suy luận khách quan có thể thấy, những trường hợp chỉ ghi năm là những trường hợp xác minh chưa đầy đủ về lý lịch của người phạm tội hoặc thiếu căn cứ pháp lý vững chắc để xác định. Đặc biệt, có những trường hợp do không xác định cụ thể ngày tháng sinh của người phạm tội để tính chính xác độ tuổi nên có thể dẫn đến oan sai. Hiện nay xác định tuổi của người phạm tội vẫn được xác định theo hướng dẫn của Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 5/1/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: *“Trong trường hợp không có đủ điều kiện xác định chính xác ngày sinh thì tính ngày sinh theo ngày cuối cùng của tháng, và nếu cũng không có điều kiện xác định chính xác ngày sinh thì xác định là ngày cuối cùng của năm sinh”*. Quán triệt nguyên tắc ngày tại Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT- VKSNDTC- TANDTC- BCA- BTP- BLĐTBXH của Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao – Bộ Công An – Bộ Tư pháp – Bộ lao động thương binh xã hội ngày 12 tháng 7 năm 2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên, lại một lần nữa quy định cách tính tuổi trong từng trường hợp:

- *Trường hợp xác định được tháng sinh cụ thể nhưng không xác định được ngày thì trong tháng đó lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo.*

- *Trường hợp xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong quý đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo,*

- *Trường hợp xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong nửa đầu năm hoặc nửa cuối năm đó thì lấy ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 tương ứng của năm đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo,*

- Trường hợp xác định được năm sinh cụ thể nhưng không xác định được ngày tháng sinh của bị can, bị cáo thì lấy ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo.

- Trường hợp không xác định được năm sinh của bị can, bị cáo là người chưa thành niên thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi của họ.”

Đây là hướng dẫn theo nguyên tắc làm lợi cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của luật hình sự Việt Nam. Như vậy, trong trường hợp không thể xác định được chính xác thời gian sinh trong tháng, quý hay năm thì cơ quan tiến hành tố tụng xác định tuổi như hướng dẫn trên, trong trường hợp không xác định được năm sinh thì việc xác định này phải dựa trên kết quả trưng cầu giám định. Trên cơ sở kết quả giám định cơ quan tiến hành tố tụng sẽ xác định độ tuổi của bị cáo. Tuy nhiên trên thực tế, cũng là thói quen từ trong các gia đình ở Việt Nam nhiều bố mẹ vì không muốn cho con đi học sớm hoặc chưa muốn cho con đi học hoặc vì lý do khác mà đăng kí khai sinh không đúng, sửa lại giấy chứng minh, khai giảm tuổi... Việc này sẽ là bình thường khi người đó lớn lên không có hành vi phạm tội, nhưng sẽ rất nghiêm trọng khi người đó vi phạm, phạm tội. Bởi lẽ, nếu người phạm tội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo pháp luật quy định nhưng theo giấy khai sinh hoặc các giấy tờ chứng minh xác định tuổi lại ghi nhận không đủ tuổi hay ngược lại người phạm tội thực tế chưa đủ tuổi nhưng trong giấy khai sinh lại đủ tuổi để truy cứu trách nhiệm hình sự. Hay có rất nhiều trường hợp trong các giấy tờ chứng minh, xác định tuổi của người phạm tội lại khác nhau không đồng nhất như giấy khai sinh ghi một độ tuổi, sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ khác lại ghi độ tuổi khác nhau. Trong trường hợp này, cơ quan tiến hành tố tụng sẽ căn cứ vào giấy khai sinh, các giấy tờ khác hay theo thực tế. Thực trạng này xuất phát từ việc quy định của pháp luật về đăng kí và quản lý hộ tịch trước đây chưa hoàn thiện, ý thức và tinh thần trách nhiệm của các cán bộ, công chức chưa cao dẫn đến nhiều trường hợp một người có nhiều ngày sinh, gây khó khăn trong việc quản lý, lưu giữ hồ sơ và xác định tuổi. Đây là vấn đề phức tạp, đòi hỏi cơ

quan tiến hành tố tụng phải có các văn bản hướng dẫn chi tiết hoặc ban hành án lệ để giúp cho việc xác định độ tuổi chính xác nhất.

2.2.2. Những hạn chế, bất cập trong quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự 1999

Trong những năm qua, Nhà nước ta đã chú trọng rất nhiều đến công tác xây dựng pháp luật. Các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội đã được luật hóa tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các cơ quan Nhà nước hoạt động, các tổ chức và công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Một trong số đó là các nội dung liên quan đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Bộ luật Hình sự 1999 là cơ sở pháp lý quan trọng để xử lý hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, quy định người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, người từ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm là tương đối khoa học, phù hợp với xu hướng quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự của nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong thời gian qua cho thấy quy định này còn một số điểm chưa hợp lý, cụ thể:

- Một là về Khoản 1 Điều 12 Bộ luật Hình sự 1999

“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm”

Các nhà làm luật Việt Nam quy định mốc đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm là quy định đã được căn cứ vào đầy đủ các yếu tố đặc điểm tâm - sinh lý, thể chất, khả năng nhận thức của người chưa thành niên ở Việt Nam. Mặt khác dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện nói riêng ở nước ta hiện nay, kết hợp với các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, đồng thời là chính sách hình sự của Nhà nước, đường lối xử lý tội phạm do người chưa thành niên thực hiện và người phạm tội là người chưa thành niên và có sự tham khảo nghiên cứu các quy định pháp luật hình sự ở nước ngoài.

Tuy nhiên vẫn tồn tại sự chồng chéo trong quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự và một số quy định trong phần tội phạm cụ thể. Khoản 1 Điều 12 quy định người từ đủ 16 tuổi trở lên chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Trong khi đó tội giao cấu trẻ em Điều 115 lại quy định: “1. *Người nào đã thành niên mà giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ một năm đến năm*”, theo quy định này thì chỉ người đã thành niên (là người từ đủ 18 trở lên) giao cấu với trẻ em từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy nếu một người 17 tuổi giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì theo Điều 115 khoản 1 sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, nếu theo Khoản 2 Điều 12 thì người đó lại phải chịu trách nhiệm hình sự (Vì Điều 12 khoản 2 quy định “Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm”). Tương tự như vậy, tội dâm ô với trẻ em (Điều 116) quy định người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội từ đủ 18 tuổi trở lên mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội này.

Bên cạnh đó, so sánh tương quan tội giao cấu với trẻ em và tội mua dâm người chưa thành niên thì thấy điều này chưa phù hợp. Điều 256 Bộ luật Hình sự 1999 quy định: “*Người nào mua dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm*”. Căn cứ vào nội dung điều luật có thể minh họa một người 17 tuổi giao cấu với người 14 tuổi không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trong khi đó người 17 tuổi mua dâm người 17 tuổi lại bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy nếu xử lý hai trường hợp như trên có lẽ chưa đảm bảo nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam. Như vậy, quy định tại Khoản 1 Điều 12 Bộ luật Hình sự 1999 cần thiết phải được sửa đổi. Rất đáng mừng là điều này đã được sửa đổi Trong Bộ luật Hình sự 2015, khi Khoản 1 Điều 12 đã quy định mới như sau: “*Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.*”

- Hai là Khoản 2 Điều 12, Bộ luật Hình sự 1999:

“2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”

Có thể thấy đây là quy định rất khái quát, ngắn gọn, xúc tích. Tuy nhiên, nếu với tư cách là một người không học luật, có thể đây sẽ là quy định khá khó hiểu, gây khó khăn cho công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cũng như ảnh hưởng đến nhận thức và hiệu quả phòng chống tội phạm của Bộ luật Hình sự.

Theo đó người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về (i) *tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý* và (ii) *tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*. Tuy nhiên, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy, quy định như hiện nay thì diện các tội phạm mà trẻ em phải chịu trách nhiệm hình sự là khá rộng và quan trọng là không rõ ràng, minh bạch, bản thân các em không thể hoặc khó có thể biết được chính xác thể nào là *tội phạm nghiêm trọng do cố ý* hoặc *tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*, dẫn đến công tác phòng ngừa không đạt hiệu quả. Ngoài ra, số trường hợp trẻ em từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi tự mình thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng là không nhiều và chủ yếu tập trung vào một số tội thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm sở hữu. Còn lại phần lớn các trường hợp khác các em tham gia thực hiện tội phạm là do bị người lớn xúi giục, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa,... Bản thân các em không nhận thức được một cách đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm mà mình đã thực hiện (ví dụ: các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phạm về kinh tế, môi trường, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh,...). Vì vậy, việc xử lý hình sự đối với các em trong những trường hợp này có phần quá nghiêm khắc và ít có tác dụng giáo dục phòng ngừa, giúp các em nhận ra và sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Mặt khác, với đa số các tội quy định trong Bộ luật thì quy định tuổi như vậy là tương đối phù hợp, nhưng đối với một số tội thuộc chương XI (các tội

xâm phạm an ninh quốc gia) thì quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự như vậy là chưa phù hợp. Bởi lẽ, các tội xâm phạm an ninh quốc gia là những tội xâm phạm nghiêm trọng đến các quan hệ được luật hình sự bảo vệ, vì vậy đa số các điều khoản quy định trong các tội này có khung hình phạt rất cao: từ bảy năm đến mười lăm năm tù, từ mười hai đến hai mươi năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Hơn nữa lỗi của các tội trong nhóm tội xâm phạm an ninh quốc gia đều có lỗi cố ý. Do đó, nếu căn cứ vào quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự hiện hành thì đa số các trường hợp người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phạm các tội này sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên trong cấu thành một số tội xâm phạm an ninh quốc gia, dấu hiệu mục đích chống chính quyền nhân dân là dấu hiệu bắt buộc, người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi không thể thực hiện được tội phạm này. Vì để có mục đích chống chính quyền nhân dân đòi hỏi người phạm tội hình thành ý thức giai cấp, ý thức chính trị cũng như sự am hiểu kinh nghiệm về đời sống xã hội sâu sắc. Trong khi đó người từ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi như đã phân tích ở trên là độ tuổi chưa phát triển toàn diện về tâm sinh lý, chưa nhận thức được đầy đủ ý nghĩa xã hội của hành vi của mình gây ra hậu quả cho xã hội chứ chưa nói đến xây dựng ý thức chống chính quyền. Chính vì vậy việc quy định khái quát như luật hiện hành mặc dù có tính dự liệu được các trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng sẽ là chồng chéo, xảy ra xung đột với các quy định về tội phạm.

- Ba là, về hình thức: cách quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Điều 12 Bộ luật Hình sự 1999 chưa thống nhất với cách quy định tuổi trong một số điều luật khác. Điều 12 quy định: “*Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi*”. Trong khi đó quy định về người chưa thành niên và một số điều luật trong phần tội phạm cụ thể lại quy định khác. Điều 68 Bộ luật Hình sự quy định “*Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi*”, hay trong một số tội như tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112), tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 115) lại quy

định “*từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi*”. Cùng quy định về độ tuổi nhưng cách quy định ở các điều luật này không giống nhau, chưa thống nhất, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, gây khó khăn khi áp dụng.

Kết luận chương 2

Qua nghiên cứu, phân tích quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự hiện hành và Bộ luật hình sự 2015 tác giả rút ra một số kết luận sau:

- Tiếp nối liên mạch xuyên suốt là chính sách nhân đạo khi xây dựng độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở nhận định về sự phát triển con người tại Việt Nam, các mức độ tuổi tối thiểu bắt đầu phải chịu trách nhiệm hình sự đều là từ đủ 14 tuổi và độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đầy đủ là từ đủ 16 tuổi

- Những điểm mới so với Bộ luật hình sự hiện hành tại Bộ luật Hình sự 2015 được thông qua nhưng chưa chính thức có hiệu lực. Bộ luật mới đã thay đổi cách hình thức quy định từ dạng khái quát sang dạng liệt kê chi tiết. Theo đó liệt kê 28 tội danh thì có 7 tội danh mà người chưa thành niên cứ phạm phải là phải chịu trách nhiệm hình sự, không kể là ít nghiêm trọng, nghiêm trọng rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng. Còn 21 tội danh còn lại người chưa thành niên chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng

- Trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự 2015 đã xuất hiện những quan điểm khác nhau về quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Đó là nên giảm độ tuổi, tăng độ tuổi hay giữ nguyên độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Theo quan điểm của tác giả, trong giai đoạn này, cần phải tiếp tục giữ nguyên độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự tuy nhiên từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm nên xây dựng phạm vi, liệt kê nhưng đảm bảo khái quát các tội mà người chưa thành niên sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi phạm tội.

Chương 3

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TUỔI CHỊU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG

3.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự

3.1.1. Quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định bộ luật hình sự năm 2015

Với sự biến đổi phức tạp về điều kiện kinh tế xã hội không ngừng, đặc biệt Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện, xuất hiện nhiều quan hệ xã hội mới cần luật hình sự điều chỉnh, cùng với sự tiếp thu tư tưởng và nhận thức lại hệ thống quan điểm, chính sách hình sự thì Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đã vãn bộc lộ nhiều hạn chế. Trước yêu cầu đổi mới, thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp đến năm 2020 mà một trong những nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thiện chính sách hình sự, ngày 27 tháng 11 năm 2015, Quốc Hội đã ban hành Bộ luật Hình sự 2015. Bộ luật mới với 26 chương và 426 điều luật, dự kiến có hiệu lực từ ngày 1/7/2016. Tuy nhiên từ ngày được ban hành đến thời điểm có hiệu lực, Bộ luật Hình sự 2015 được phát hiện có nhiều lỗi cả về hình thức kỹ thuật lập pháp cũng như nội dung quy định, vì vậy ngày 29 tháng 6 năm 2016 Quốc Hội ban hành Nghị quyết số 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.... Theo quy định của Nghị quyết vẫn tiếp tục áp dụng Bộ luật Hình sự 1999 cho đến khi Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự 2015 có hiệu lực thi hành.

Tuổi chịu trách nhiệm hình sự tiếp tục được Bộ luật Hình sự 2015 quy định tại Điều 12, phần tội phạm với nội dung:

“Điều 12. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây:

a) Điều 143 (tội cưỡng dâm), Điều 150 (tội mua bán người), Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi),

b) Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản), Điều 171 (tội cướp giật tài sản), Điều 173 (tội trộm cắp tài sản), Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản),

c) Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy), Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy),

d) Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép), Điều 266 (tội đua xe trái phép),

đ) Điều 285 (tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật), Điều 286 (tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử), Điều 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử), Điều 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác), Điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản),

e) Điều 299 (tội khủng bố), Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia), Điều 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự). ”

So sánh với quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Điều 12 Bộ luật Hình sự 1999, có thể thấy những điểm mới tại Bộ luật Hình sự 2015 như sau:

- Một là, sự tiếp nối tư tưởng và chính sách hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự của Nhà nước ta (từ Bộ luật Hình sự đầu tiên năm 1985 đến Bộ luật Hình sự 1999 và đến Bộ luật Hình sự 2015) là 14 tuổi tròn. Người chưa đủ 14 tuổi dù có thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội như thế nào cũng không phải chịu trách nhiệm hình sự. Mốc độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đầy đủ về mọi tội phạm là từ đủ 16 tuổi. Tuy nhiên tại Bộ luật Hình sự 2015 đã bổ sung thêm *“Trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác”*. Đây là điểm hợp lý và khoa học hơn Bộ luật Hình sự 1999 bởi lẽ nếu chỉ quy định như Bộ luật năm 1999 thì sẽ gặp mâu thuẫn trong những trường hợp sẽ loại trừ trách nhiệm hình sự của người từ đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, tránh mâu thuẫn với phần các tội phạm cụ thể, hoặc là những quy định về tội danh có chủ thể đặc biệt như người có chức vụ, quyền hạn...

- Hai là khác với quy định với người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi ở Bộ luật Hình sự 1999 được phân loại theo loại tội và lỗi: tất cả các tội đặc biệt nghiêm trọng, và các tội rất nghiêm trọng do cố ý thì ở Bộ luật Hình sự 2015 được xây dựng theo dạng liệt kê. Cụ thể: trong 28 tội danh được liệt kê, có 7 tội danh mà người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi cứ phạm phải là phải chịu trách nhiệm hình sự, không kể đó là tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng. Đó là tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ 13 đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản. Còn 21 tội danh còn lại chỉ bị chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng.

Việc liệt kê như trên sẽ một phần đáp ứng được yêu cầu bảo đảm công khai, minh bạch đối với pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, đồng

thời đề cao tính giáo dục, phòng ngừa tội phạm là người chưa thành niên và cũng là thực hiện yêu cầu của Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em mà nước ta đã là thành viên. Tuy nhiên việc liệt kê rất khó để có thể tránh khỏi sự thiếu sót. Đơn cử như trong các quan hệ xã hội, khách thể loại mà luật hình sự bảo vệ thì tại các Điểm a,b,c,d,đ,e Khoản 2 Điều 12 chỉ thể hiện khách thể về các nhóm tội phạm xâm phạm: tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, quyền sở hữu, tội phạm về ma túy, an toàn công cộng, trật tự công cộng còn các nhóm khách thể, tội phạm còn lại không được liệt kê. Hay như trong 7 tội danh mà người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi cứ phạm phải là phải chịu trách nhiệm hình sự thì có 3 tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản là không hợp lý. Đây chắc chắn cũng là một trong những vấn đề mà Luật sửa đổi bổ sung Bộ luật Hình sự 2015 cần phải nghiên cứu và tìm ra giải pháp.

3.1.2. Kiến nghị sửa đổi quy định bộ luật hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự

- Thứ nhất, sửa đổi Khoản 1, Điều 12, Bộ luật Hình sự năm 1999

Để giải quyết vấn đề chồng chéo, xung đột giữa quy định của các tội phạm cụ thể của Khoản 1 Điều 12 Bộ luật Hình sự 1999 như đã phân tích ở trên, Điều 12 khoản 1 Bộ luật Hình sự 2015 đã sửa đổi:

“Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác”

Như vậy phần sửa đổi *“trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác”* đã tạo nên sự thống nhất, loại bỏ được những trường hợp quy định tại các tội phạm mâu thuẫn với nội dung của điều này. Mặc dù chưa có hiệu lực pháp lý, nhưng việc sửa đổi với nội dung trên theo quan điểm cá nhân tác giả là hoàn toàn hợp lý và khoa học. Vì vậy, tác giả cho rằng cần giữ nguyên quy định này trong Bộ luật Hình sự 2015 cho đến khi Bộ luật có hiệu lực pháp lý.

- Thứ hai, sửa đổi Khoản 2, Điều 12, Bộ luật Hình sự năm 1999:

Ở khoản này, hiện nay đang có hai quan điểm về việc sửa đổi: Quan điểm thứ nhất: tiếp tục duy trì quy định như Bộ luật năm 1999, quy định dưới hình thức khái quát, chung nhất, tránh không liệt kê vì liệt kê sẽ dẫn đến liệt kê không đầy đủ, hoặc liệt kê không logic thống nhất với các quy định tại phần các tội phạm. Quan điểm thứ hai: xây dựng phạm vi cụ thể mà người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự khi phạm tội, dựa trên căn cứ phân tích tâm sinh lí của đối tượng độ tuổi này và thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. Theo quan điểm của cá nhân tác giả, nếu xây dựng mang tính quá khái quát, chung chung sẽ dẫn đến việc khó nhận thức, hoặc nhận thức không thống nhất, dễ có lỗ hổng và tiêu cực, còn nếu liệt kê quá cụ thể, chi tiết mặc dù đáp ứng được yêu cầu đảm bảo công khai, minh bạch, đồng thời đề cao tính giáo dục, tuyên truyền phòng ngừa tội phạm nhưng dễ đi vào việc liệt kê không đầy đủ, không logic và xung đột với các quy định khác trong phần các tội phạm. Như vậy, chúng ta cần dung hòa được hai yếu tố trên và sự giao thoa giữa sự khái quát và cụ thể sẽ là phương án tối ưu nhất.

Bộ luật Hình sự 2015 đã sửa đổi khoản 2 Điều 12 so với Bộ luật Hình sự 1999 như sau:

“2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây:

a) Điều 143 (tội cưỡng dâm), Điều 150 (tội mua bán người), Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi),

b) Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản), Điều 171 (tội cướp giật tài sản), Điều 173 (tội trộm cắp tài sản), Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản),

c) Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy), Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy),
d) Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép), Điều 266 (tội đua xe trái phép),
đ) Điều 285 (tội sản xuất, mua bán, công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật), Điều 286 (tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử), Điều 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử), Điều 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác), Điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản),
e) Điều 299 (tội khủng bố), Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia), Điều 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự).”

Có thể thấy, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã chọn ra 7 tội danh mà người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp, còn lại 21 tội danh thì người chưa thành niên trong độ tuổi này chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Theo quan điểm cá nhân, việc quy định như trên vẫn chưa thực sự hợp lý và khoa học khi liệt kê 28 tội có 3 tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng mà người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp. Quy định như vậy là đi ngược lại quan điểm xử lý nhân đạo hơn đối với người chưa thành niên phạm tội. Có thể thấy, Bộ luật hình sự 2015 đã thể hiện rõ ràng chính sách nhân đạo trong xử lý người chưa thành niên phạm tội hơn Bộ luật hình sự 1999. Vấn đề này dự thảo lần thứ 4 trình tại phiên họp lần thứ 7 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội

khóa XIV, tháng 2/2017 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 2015 đang xây dựng 2 phương án tiếp tục sửa đổi Khoản 2 Điều 12 như sau:

Phương án 1:

“2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây:

a) Điều 123 (tội giết người), Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), Điều 141 (tội hiếp dâm), Điều 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi), Điều 143 (tội cưỡng dâm), Điều 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi), Điều 150 (tội mua bán người), Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi),

b) Điều 168 (tội cướp tài sản), Điều 169 (tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản), Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản), Điều 171 (tội cướp giật tài sản), Điều 173 (tội trộm cắp tài sản), Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản),

c) Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy), Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy),

d) Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép), Điều 266 (tội đua xe trái phép),

đ) Điều 285 (tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật), Điều 286 (tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử), Điều 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử), Điều 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác), Điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản),

e) Điều 299 (tội khủng bố), Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia), Điều 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử

dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự).

Phương án 2:

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại của sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây:

a) Điều 143 (tội cưỡng dâm), Điều 150 (tội mua bán người), Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi),

b) Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản), Điều 171 (tội cướp giật tài sản), Điều 173 (tội trộm cắp tài sản), Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản),

c) Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy), Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy),

d) Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép), Điều 266 (tội đua xe trái phép),

đ) Điều 286 (tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử), Điều 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử), Điều 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác), Điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản),

e) Điều 299 (tội khủng bố), Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia), Điều 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự).”

Nhìn chung ở phương án thứ 2 không có sự thay đổi nhiều, chỉ thay đổi 1 số tội danh mà người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự khi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng ở các điểm. Còn ở phương án thứ nhất đã loại bỏ những tội danh thuộc các tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng mà chỉ liệt kê những tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng mà người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự. Nhưng theo quan điểm của tác giả, như đã phân tích ở trên việc liệt kê 3 tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng vào phạm vi các tội mà người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp là không hợp lý, cần được cơ cấu tại các điểm của điều luật. Khoản 2, Điều 12 Bộ luật Hình sự 2015 nên được sửa đổi như sau:

“2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây:

a) Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), Điều 141 (tội hiếp dâm), Điều 143 (tội cưỡng dâm), Điều 150 (tội mua bán người), Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi),

b) Điều 169 (tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản), Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản), Điều 171 (tội cướp giật tài sản), Điều 173 (tội trộm cắp tài sản), Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản),

c) Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy), Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy),

d) Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép), Điều 266 (tội đua xe trái phép),

đ) Điều 285 (tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật), Điều 286 (tội phát tán

chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử), Điều 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử), Điều 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác), Điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản),
e) Điều 299 (tội khủng bố), Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia), Điều 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự).

- Thứ 3: cân nhắc bổ sung quy định miễn, giảm trách nhiệm hình sự đối với người cao tuổi.

Theo quy định tại Điều 2, Luật người cao tuổi 2009, thì người cao tuổi được hiểu là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên. Ở lứa tuổi này hoạt động nhận thức bao gồm nhận thức cảm tính (cảm giác, tri giác) và nhận thức lý tính (tư duy, tưởng tượng) có một sự thay đổi quan trọng: Do độ nhạy cảm của các giác quan giảm và sự lão hóa của các tế bào thần kinh nên chất lượng hiệu quả nhận thức cảm tính ở người cao tuổi có sự giảm sút rõ rệt, cảm giác tri giác kém nhạy cảm, kém chính xác và trọn vẹn. Về nhận thức lý tính: trừ những người tích cực hoạt động (chân tay và trí óc), còn lại đa số người cao tuổi đều có sự giảm sút khác nhau về khả năng hoạt động tư duy. Người cao tuổi gặp khó khăn khi tiếp thu những khái niệm mới, trừu tượng, cùng với đó là sự giảm sút về trí nhớ rõ rệt [23, tr.53]. Như vậy, có thể nói nếu đến một độ tuổi nhất định con người mới có khả năng nhận thức về điều khiển được hành vi của mình, thì theo thời gian đến một độ tuổi nhất định, sự già yếu bệnh tật, sẽ làm giảm đi trí nhớ, sự minh mẫn, khả năng nhận thức cũng như điều khiển hành vi đó.

Mặt khác, pháp luật Việt Nam nói chung cũng như pháp luật hình sự nói riêng luôn luôn đề cao tính nhân văn sâu sắc, cùng với truyền thống đạo đức của

nhân dân ta luôn “uống nước nhớ nguồn”, ghi nhớ công lao của những người đi trước, những người cao tuổi đã có công ơn nuôi dưỡng thế hệ sau này. Hơn nữa, xu hướng chung của thế giới hiện nay là dần bỏ án tử hình, quyền con người ngày càng được nâng cao và chú trọng, đặc biệt là với những đối tượng là người chưa thành niên hay người cao tuổi. Theo Ông Nguyễn Túc, Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn về văn hóa-xã hội của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam cũng nêu quan điểm không nên tử hình những người từ 75 trở lên tuổi phạm tội. “Tuổi thọ của người Việt Nam trung bình là 74 tuổi. Những người trên 75 mà bị án tù thì chắc chắn ở trong nhà tù cũng không có điều kiện để sống thể thêm được nhiều. Ở tuổi ấy, người ta tính thời gian sống theo tháng chứ không phải theo năm nữa” [51]. Trên thực tế, một số quốc gia trên thế giới đều có quy định miễn giảm trách nhiệm hình sự đối với người cao tuổi, điển hình như quy định của Bộ luật Hình sự Liên bang Nga: không áp dụng hình phạt tử hình đối với người từ 65 tuổi trở lên [18, tr.6]. Trong xã hội thời kì phong kiến Việt Nam, cả hai bộ luật Quốc triều hình luật và Hoàng triều luật lệ đều quy định độ tuổi tối đa phải chịu trách nhiệm hình sự. Theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành, quy định về vấn đề này dưới hình thức một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Điểm m, Khoản 1 Điều 46), như vậy sẽ không thể hiện rõ được chính sách hình sự nhân đạo, cũng việc nhận thức và áp dụng không đồng nhất. Do đó, trong giai đoạn hiện nay, tác giả cho rằng nên quy định bổ sung một khoản tại Điều 12 về độ tuổi tối đa phải chịu trách nhiệm hình sự và miễn giảm trách nhiệm hình sự.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự

3.2.1. Lựa chọn, ban hành án lệ liên quan đến xác định độ tuổi của người chưa thành niên phạm tội

Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã xác định “*Tòa án nhân dân tối cao có*

nhệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm...”

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Tòa án nhân dân tối cao đã tiến hành từng bước chuẩn bị để lựa chọn và ban hành án lệ.

Ngày 06/4/2016, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định số 220/QĐ-TANDTC công bố 06 án lệ đầu tiên của Việt Nam. Đây là bước đổi mới quan trọng của tiến trình cải cách tư pháp.

Án lệ là những phán quyết của Tòa án về một vụ việc cụ thể, có giá trị tạo lập những quy tắc hoặc căn cứ pháp lý cho việc giải quyết các vụ việc tương tự trong tương lai. Khi một bản án được xác định là án lệ thì không phải toàn bộ nội dung của bản án đó bắt buộc phải tuân theo trong xét xử mà chỉ những nội dung chứa đựng những lập luận để giải thích về những vấn đề, sự kiện pháp lý, chỉ ra những quy tắc hoặc quy phạm pháp luật cần áp dụng hoặc là lý do để Tòa án đưa ra phán quyết mới có giá trị áp dụng để giải quyết những vụ án tương tự trong tương lai nhằm đảm bảo nguyên tắc các vụ án giống nhau phải được xét xử và phán quyết như nhau.

Trong điều kiện chất lượng đội ngũ cán bộ hành pháp chưa đồng đều thì áp dụng án lệ chính là phương thức hiệu quả để khắc phục các khiếm khuyết của pháp luật, đảm bảo việc áp dụng thống nhất trong xét xử, tạo tính ổn định, minh bạch và công bằng trong các phán quyết của Tòa án.

Với vai trò quan trọng như vậy, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần đẩy nhanh tốc độ lựa chọn và ra các Nghị quyết ban hành các án lệ liên quan đến xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với những trường hợp khó xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đặc biệt đối với những người sinh sống ở những vùng miền núi, biên giới, hải đảo xa xôi hoặc đồng bào dân tộc thiểu số. Những án lệ này sẽ là những văn bản hướng dẫn rất có giá trị bảo đảm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định liên quan đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

3.2.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ người tiến hành tố tụng

Có thể thấy, việc thiếu cán bộ hoặc cán bộ chưa đủ trình độ chuyên môn dẫn đến tình trạng quá tải, trong một thời điểm một người phải giải quyết đồng thời nhiều vụ án, hay sự thiếu chính xác trước áp lực của thời hạn, nhiều trường hợp để xác định tuổi của các đương sự, điều tra viên và những người tiến hành tố tụng khác chỉ dựa vào lời khai của người đó hoặc chỉ xác minh qua điện thoại hay các giấy tùy thân thu được khi người đó bị bắt mà không xác minh cụ thể dẫn đến truy cứu trách nhiệm hình sự sai. Vì vậy, để giảm tải cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, cần đảm bảo biên chế và thời gian cho họ tiến hành đầy đủ các trình tự, thủ tục trong quá trình thu thập chứng cứ nói chung và chứng cứ xác định độ tuổi nói riêng.

Mặt khác, mặc dù từ năm 2003 đến nay, Nhà nước ta đã từng bước củng cố đội ngũ người tiến hành tố tụng ở cả Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, đến nay đội ngũ này đặc biệt là điều tra viên ở nhiều nơi, năng lực còn rất hạn chế dẫn đến việc điều tra không đúng trình tự, thủ tục, không xác định được những chứng cứ cần thiết để xác định đúng đắn tuổi của các đương sự.

3.2.3. Nâng cao chất lượng cán bộ tư pháp – hộ tịch

Mặc dù đã được chuẩn hóa, nhưng ở một số địa phương, cán bộ cấp xã vẫn chủ yếu là những người kiêm nhiệm, không được tuyển dụng chính quy, vì vậy trình độ chuyên môn của một bộ phận công tác này còn hạn chế. Công chức tư pháp hộ tịch xã phường phải đảm nhiệm khối công việc nhiều trong khi trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế, nhiều cán bộ chưa được đào tạo hoặc được đào tạo về chuyên ngành khác. Mặt khác cán bộ hộ tịch chưa hiểu hết giá trị pháp lý và tầm quan trọng của công tác hộ tịch cho nên dẫn đến trường hợp đăng ký không đúng quy định, không khai sinh, khai tử, không đăng ký kết hôn, đăng ký không kịp thời, chưa đầy đủ, thiếu chính xác, số liệu đăng ký khai sinh quá hạn vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể, tình trạng đăng ký sai thẩm quyền, cấp lại bản

sao hộ tịch không căn cứ vào sổ gốc quá dễ dàng trong việc cấp giấy khai sinh, tẩy xóa nội dung hộ tịch... Vấn đề cải chính năm sinh còn tùy tiện, chưa đúng quy định của pháp luật, đôi khi chỉ dựa vào lời khai của các nhân chứng như là người thân trong gia đình hoặc giấy tờ không liên quan đến hộ tịch như lý lịch của anh chị em ruột, gia phả tộc họ... Từ nhận thức và cách làm như vậy, tồn tại rất nhiều trường hợp ngày, tháng, năm sinh ghi trong giấy khai sinh cũng như các giấy tờ khác không đồng nhất, sai thực tế. Vì vậy, cần xây dựng và chuẩn hóa, hướng dẫn áp dụng đối với công tác hộ tịch. Đồng thời nâng cao chất lượng cán bộ tư pháp, bồi dưỡng nghiệp vụ để đáp ứng những yêu cầu công tác và xác định tầm quan trọng của công tác hộ tịch. Đây cũng là một trong những vấn đề quan trọng trong hình thành hệ thống thông tin chính xác của công tác hộ tịch.

KẾT LUẬN

Tuổi chịu trách nhiệm hình sự là một vấn đề quan trọng trong luật hình sự hầu hết các quốc gia trên thế giới. Chế định này vừa liên quan đến quyền con người, vừa ảnh hưởng bởi chính sách hình sự và thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Ở nước ta, từ lịch sử đến nay, trong pháp luật của các thời kì đều có những quy định liên quan đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Sự thể hiện của vấn đề này ngày được hoàn thiện. Tuy nhiên vì nhiều lý do khác nhau, trong quy định của pháp luật hiện hành vẫn có những vấn đề chưa đảm bảo tính thống nhất chưa phù hợp dẫn đến quá trình áp dụng còn nhiều khó khăn. Hay tại Bộ luật hình sự 2015 được thông qua nhưng chưa chính thức có hiệu lực thì quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự vẫn còn tồn tại những bất cập. Từ những vấn đề trên, tác giả đã tập trung làm rõ những vấn đề:

1. Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về tuổi chịu trách nhiệm hình sự và quy định của vấn đề này trong luật hình sự Việt Nam qua các thời kì lịch sử từ trước đến nay. Cơ sở để quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

2. Phân tích làm rõ quy định của Bộ luật hình sự hiện hành để tìm ra những vấn đề bất cập còn tồn tại, Bộ luật hình sự 2015 đã có những điểm mới và giải quyết được bất cập của Bộ luật 1999 tuy nhiên vẫn bộc lộ những điểm chưa hợp lý và khoa học. Tác giả đưa ra và phân tích những quan điểm khác nhau về quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, theo đó đánh giá sự phù hợp và đưa ra quan điểm của cá nhân

3. Trên cơ sở phân tích những số liệu, bản án tác giả đánh giá được những tồn tại bất cập tại quy định hiện hành dẫn đến vướng mắc, khó khăn trên thực tế khi áp dụng chế định tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Từ đó luận văn đưa ra các kiến nghị đề xuất liên quan: sửa đổi quy định của bộ luật hình sự hiện hành để đảm bảo tính nhân đạo, đồng bộ thống nhất, phù hợp với thực tiễn cuộc sống; kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao cần sớm đưa ra những án lệ liên quan đến xác

định độ tuổi của người chưa thành niên phạm tội phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Nâng cao chất lượng trình độ của các cán bộ tư pháp, hộ tịch, hộ khẩu và người tiến hành tố tụng là những người góp phần hình thành nên các thông tin làm căn cứ xác định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Với những kết quả nghiên cứu của luận văn, tác giả hi vọng sẽ góp phần tích cực vào hoàn thiện hệ thống lý luận về tuổi chịu trách nhiệm hình sự cũng như các quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành và quá trình sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự 2015, đồng thời đóng góp vào nguồn tài liệu tham khảo giá trị cho các cơ sở đào tạo ngành luật.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2015), Giáo trình luật hình sự Việt Nam, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
2. Bộ luật hình sự Liên bang Nga (2011), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
3. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (2005), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
4. Bộ luật Hồng Đức di sản văn hóa pháp lý đặc sắc của Việt Nam, Nxb Tư Pháp.
5. Lê Văn Cẩm (2000), Các đặc điểm của tội phạm và tính quyết định xã hội của chúng – Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 7,2000
6. Lê Văn Cẩm (2000), Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung Luật hình sự (Tập III), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Lê Văn Cẩm (2002), Các nghiên cứu chuyên khảo sau về Phần chung Luật hình sự (Tập IV), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Chính phủ (2005), Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, của Chính phủ về đăng ký hộ tịch
9. Trần Văn Dũng (2005), Những đặc điểm cơ bản về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam
10. Trần Văn Độ (2013), Nâng cao vai trò của Tòa án trong phòng ngừa tội phạm người chưa thành niên ở Việt Nam, Công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội
11. Phạm Minh Hạc (1992), Tâm lý học, Nxb Giáo dục, Hà Nội
12. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2015), Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Tập I), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
13. Nguyễn Ngọc Hòa & Lê Thị Sơn (2006), Từ điển pháp luật hình sự, Nxb Tư Pháp, Hà Nội

14. Nguyễn Ngọc Hòa (2005), Tội phạm và cấu thành tội phạm, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
15. Nguyễn Đức Hoàng (2015), Vấn đề tuổi chịu trách nhiệm hình sự - Lý luận và thực tiễn, Luận văn thạc sĩ, Đại học Luật Hà Nội
16. Hội đồng thẩm phán TANDTC (2006), Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự.
17. Hà Thị Hương (2007), Tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam, Khóa luận tốt nghiệp, Khoa luật ĐHQGHN.
18. Trần Thị Hoàng Lan (2012), Những vấn đề lý luận và thực tiễn về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, ĐHQGHN
19. Lê Nga (2002), Một cách xác định tuổi, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 6)
20. Lưu Đình Nghĩa (2000), Xác định tuổi của người chưa thành niên như thế nào cho đúng?, Tạp chí Tòa án nhân dân số 01/2000
21. Trần Hoàng Thị Diễm Ngọc (2006), Một số đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi, Tạp chí tâm lý học, Số 4/2006
22. Đinh Văn Quế (2000), Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 – Phần chung, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
23. Quốc Hội (1985), Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
24. Quốc Hội (1992), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
25. Quốc Hội (1999), Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
26. Quốc Hội (2015), Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

27. Quốc Hội (1999), Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/1/1999 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Bộ luật hình sự
28. Quốc Hội (2003), Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
29. Lê Minh Tâm & Vũ Thị Nga (2010), Giáo trình Lịch sử Nhà nước & Pháp luật Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
30. Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số chuyên đề về luật hình sự các nước trên thế giới, tháng 3/1998
31. Đặng Thị Thanh (2000), Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội và nguyên tắc xử lý của Bộ luật hình sự 1999, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 6/2000
32. Nguyễn Trường Thiệp (2007), Bàn về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự 1999, Tạp chí Kiểm sát, (số 7)
33. Thông tư liên ngành số 05/TTLN ngày 26/12/1986 của TANDTC-VKSNDTC-BNV hướng dẫn về việc giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt và chấm dứt thời hạn chấp hành hình phạt tù.
34. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), Nhân thân người phạm tội với việc quyết định trách nhiệm hình sự, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8/2005.
35. Tòa án nhân dân tối cao (1979), Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự Tập 1, Hà Nội
36. Tòa án nhân dân tối cao (1992), Công văn số 03 ngày 20/6/1992 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Nội vụ hướng dẫn xác minh địa điểm cư trú, các trường hợp không thể xác minh được lý lịch bị can.
37. Tòa án nhân dân tối cao (2002), Công văn số 81 ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ hướng dẫn xác định tuổi theo tuần tự thời gian.

38. Triết học Mác-Lênin (1983), Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Nxb Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội
39. Từ điển giải thích thuật ngữ luật học, Nxb Công an nhân dân 1999.
40. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Các văn bản hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự 1999, Hà Nội
41. Trịnh Tiến Việt (2013), Tội phạm và trách nhiệm hình sự (sách chuyên khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
42. Trịnh Tiến Việt (2008), Tiếp tục hoàn thiện những quy định của Bộ luật hình sự trước yêu cầu đổi mới của đất nước, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 14 T7/2008
43. Trịnh Tiến Việt & Trần Hồng Lê (2005), Tìm hiểu một số chế định cơ bản trong luật hình sự Thụy Điển, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 14 T7/2005
44. Võ Khánh Vinh (2008), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Sửa đổi và bổ sung)
45. Võ Khánh Vinh (2004): Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
46. Võ Khánh Vinh (1994), Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Võ Khánh Vinh (2003), Giáo trình các cơ quan bảo vệ pháp luật, Nxb Công an nhân dân 2003.
48. Võ Khánh Vinh (2010), Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
49. Võ Khánh Vinh (2010), Giáo dục quyền con người – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
<http://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/giam-tuoi-chiu-trach-nhiem-hinh-su-cua-nguoi-tre-230948.html>
50. <http://vov.vn/phap-luat/tu-van-luat/sua-luat-hinh-su-y-kien-trai-chieu-ve-an-tu-cho-nguoi-tu-75-tuoi-432855.vov>